

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH PHƯỚC

LUẬN VĂN THẠC SĨ
LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ

HÀ NỘI – năm 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Ngành: Luật Hình Sự và Tố Tụng Hình Sự

Mã số:

HÀ NỘI - năm 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu và trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Lê Thị Bình

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN	8
1.1. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội trộm cắp tài sản	8
1.2. Phân biệt tội trộm cắp tài sản trong luật hình sự Việt Nam với một số tội phạm khác	13
1.3. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản từ năm 1945 đến nay	16
1.4. Quy định của pháp luật hình sự một số nước về tội trộm cắp tài sản	22
Chương 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC	31
2.1. Khái quát tình hình xét xử tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong những năm gần đây	31
2.2. Định tội danh tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước	34
2.3. Quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước	52
2.4. Đánh giá chung về thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước	61
Chương 3: CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN	64
3.1. Các yêu cầu áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản	64
3.2. Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản	66
KẾT LUẬN	80
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	: Bộ luật hình sự
CTTP	: Cấu thành tội phạm
QĐHP	: Quyết định hình phạt
TNHS	: Trách nhiệm hình sự
TAND	: Tòa án nhân dân
THTT	: Tiến hành tố tụng

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Số lượng số vụ và bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản bị đưa ra xét xử trong nhóm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2013 đến năm 2017 31

Bảng 2.2. Tỷ lệ tội trộm cắp tài sản trong nhóm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2013 đến 2017 32

Bảng 2.3. Tỷ lệ tội phạm đã bị xét xử trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2013 đến năm 2017 33

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ở nước ta, quyền sở hữu là một quyền con người quan trọng được quy định và bảo hộ trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật ở các lĩnh vực: hình sự, hành chính, dân sự.... Hiến pháp năm 2013 tại Điều 32 đã quy định: *“1. Mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, phần vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác; 2. Quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế được pháp luật bảo hộ.”*

Để bảo vệ quyền sở hữu được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013, hệ thống pháp luật Việt Nam đã quy định bảo vệ bằng nhiều ngành luật khác nhau trong đó có luật hình sự. Trong pháp luật hình sự hiện nay, Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực từ ngày 1/1/2018 cũng bảo vệ sở hữu của các cá nhân, tổ chức khác nhau thông qua các điều luật tại các Chương khác nhau và tập trung nhất ở Chương XVI (các tội xâm phạm sở hữu) trong đó có tội trộm cắp tài sản. Các quy định của BLHS năm 2015 về các tội xâm phạm sở hữu nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng đã thể hiện vai trò quan trọng của pháp luật hình sự trong việc bảo vệ quyền sở hữu của nhà nước, tổ chức, cá nhân đã được Hiến pháp năm 2013 quy định.

Bình Phước là một tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ nước ta và là tỉnh có diện tích rộng lớn, lao động sản xuất thuận lợi nhất là trồng cây công nghiệp cao su, điều lớn nhất cả nước, do đó sự di dân ở các tỉnh thành trong cả nước đến lập nghiệp sinh sống nhiều. Bên cạnh phát triển của kinh tế thì tình trạng tội phạm diễn biến hết sức phức tạp, nhất là tội phạm trộm cắp tài sản với tính chất và mức độ hậu quả do loại tội phạm này gây ra ngày càng nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội ở các địa phương trong tỉnh, tác động không tốt đến cuộc sống của người dân.

Thực tiễn áp dụng quy định của BLHS về tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước cho thấy những bất cập, khó khăn trong việc xác định đối tượng tác động của tội phạm, một số dấu hiệu định tội, một số tình tiết định khung hình phạt

và mức hình phạt đối với người phạm tội. Trong khi đó, văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật đối với các tội xâm phạm sở hữu nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng chưa thống nhất; đặc biệt cho đến nay vẫn chưa có hướng dẫn mới về các tội này theo quy định của Bộ Luật hình sự năm 2015 dẫn đến thực tế áp dụng quy định về các tội này còn lúng túng.

Để khắc phục những bất cập trong quy định của pháp luật hình sự và đề xuất các giải pháp nhằm bảo đảm áp dụng đúng quy định của pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản tại tỉnh Bình Phước cũng như trên phạm vi cả nước. Học viên đã lựa chọn đề tài: *"Tội trộm cắp tài sản theo Pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Phước"* làm đề tài Luận văn Thạc sĩ Luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Để thực hiện đề tài được giao, học viên tham khảo khá nhiều công trình về hoặc liên quan đến đề tài, trong số đó có thể kể đến:

- Nhóm thứ nhất: Các Giáo trình Luật hình sự, sách về Định tội danh của các cơ sở đào tạo như: (1) Võ Khánh Vinh (Chủ biên) (2012), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam- Phần Các tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội; (2) Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về định tội danh*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội; (3) Trường Đại học Luật Hà Nội (2012), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam- Phần Các tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội; (4) Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2013), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần Các tội phạm*, Nxb Hồng Đức- Hội Luật gia Việt Nam, TP.HCM; (5) Lê Cẩm (Chủ biên) (2007), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam-Phần Các tội phạm*, Khoa Luật, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội; ...

Những giáo trình nêu trên có nội dung chủ yếu chỉ dừng lại ở việc phân tích các dấu hiệu pháp lý của tội trộm cắp tài sản, lý luận chung về định tội danh. Đây là tài liệu quan trọng cho luận văn tham khảo khi nghiên cứu các dấu hiệu pháp lý, lý luận về định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản theo luật hình sự Việt Nam.

- Nhóm thứ hai: Các bài viết liên quan đến tội trộm cắp tài sản có thể kể đến:

(1) Bài viết *"Lắp đặt trái phép thiết bị phát sóng vô tuyến điện, sử dụng trái*

phép tẩn số vô tuyến điện để thu cước điện thoại- phạm tội trộm cắp tài sản” của tác giả Dương Tuyết Miên, Tạp chí Tòa án nhân dân - 9/2004, Số 17; (2) Bài viết *“Quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội "trộm cắp tài sản"* của tác giả Mai Bộ, Tạp chí Tòa án nhân dân - 5/2005, Số 9; (3) Bài viết *“Một số vấn đề cần hoàn thiện đối với tội trộm cắp tài sản*” của tác giả Nguyễn Văn Trọng, Tạp chí Tòa án nhân dân, Tòa án Nhân dân tối cao, 2008, Số 4; (4) Bài viết *“Lắp đặt: Sử dụng thiết bị viễn thông trái phép để thu tiền cước điện thoại đã có dấu hiệu phạm tội "trộm cắp tài sản"* của tác giả Lê Văn Luật, Tạp chí Tòa án nhân dân, 2004, Số 21; (5) Bài viết *“Xác định tội "trộm cắp tài sản" đối với người lắp đặt thiết bị thu phát viễn thông để thu lợi bất chính là có căn cứ”* của tác giả Đỗ Văn Chính, Tạp chí Tòa án nhân dân, 2004, Số 19; (6) Bài viết *“Một số dấu hiệu đặc trưng của tội "trộm cắp tài sản" cần nhận biết khi định tội danh”* của tác giả Trần Mạnh Hà, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, 2007, Số 3 (227); (7) Bài viết *“Tội trộm cắp tài sản trong Bộ luật Hồng Đức”* của tác giả Hoàng Văn Hùng, tạp chí Luật học, 2006, Số 5; (8) Bài viết *“Đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản theo luật hình sự Việt Nam”* của tác giả Hoàng Văn Hùng, Tạp chí Luật học, 2006, Số 7; ...

Các bài viết trên có ý nghĩa quan trọng trong việc làm rõ các dấu hiệu pháp lý của tội trộm cắp tài sản trong luận văn.

- Nhóm thứ ba: Các luận văn thạc sĩ, tiến sĩ liên quan đến tội trộm cắp tài sản có thể kể đến: (1) Luận văn thạc sĩ *“Tội trộm cắp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Long An”* của tác giả Nguyễn Thị Mộng Thúy, Học viện Khoa học xã hội, 2013; (2) Luận văn thạc sĩ *“Tội trộm cắp tài sản do người nước ngoài thực hiện từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh”* của tác giả Trần Thị Bích Liên, Học viện Khoa học xã hội, 2016; (3) Luận án tiến sĩ luật học *“Tội trộm cắp tài sản và đấu tranh phòng, chống tội này ở Việt Nam”* của tác giả Hoàng Văn Hùng, Đại học Luật Hà Nội, 2007 ...

Các kết quả nghiên cứu về giải pháp hoàn thiện pháp pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản của các luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nêu trên là tài liệu tham khảo quan trọng cho đề tài luận văn.

Như vậy, qua các công trình nghiên cứu về tội trộm cắp tài sản trong Luật hình sự Việt Nam, chúng tôi có một số nhận xét sau:

Các công trình trên đã nghiên cứu được một số vấn đề như dấu hiệu pháp lý của tội trộm cắp tài sản, lý luận chung về định tội danh; đề cập và đánh giá một số bất cập trong quy định và vướng mắc trong áp dụng quy định về tội trộm cắp tài sản cũng như đưa ra được một số kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện tội này. Tuy nhiên, vẫn còn một số nội dung đang nghiên cứu, đang tồn tại một số ý kiến khác nhau về đối tượng tác động, các dấu hiệu định khung hình phạt, về loại hình phạt, mức hình phạt của tội trộm cắp tài sản. Đồng thời, các công trình trên vẫn chưa nghiên cứu, chưa phân tích cụ thể các dấu hiệu pháp lý của tội trộm cắp tài sản (nhất là các quy định mới của BLHS năm 2015); chưa đi vào trình bày lịch sử hình thành và phát triển của tội trộm cắp tài sản một cách hệ thống; chưa phân tích được một số bất cập về đối tượng tác động, dấu hiệu định tội và một số vấn đề khác còn tồn tại trong tội trộm cắp tài sản; chưa đánh giá được vướng mắc trong thực tiễn áp dụng quy định về tội trộm cắp tài sản từ thực tiễn tỉnh Bình Phước cho nên những giải pháp, kiến nghị cụ thể nhằm hoàn thiện tội này còn hạn chế.

Do đó, đề tài *“Tội trộm cắp tài sản theo luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Phước”* được tác giả sử dụng làm Luận văn Thạc sỹ Luật học đối chiếu với các công trình nghiên cứu đã công bố trong nước những năm gần đây liên quan đến đề tài về tổng thể vẫn còn nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, có giá trị lý luận và thực tiễn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu, làm rõ những vấn đề lý luận của luật hình sự và thực tiễn áp dụng quy định về tội trộm cắp tài sản quy định trong BLHS năm 1999 (có đối chiếu với BLHS 2015) tại tỉnh Bình Phước, luận văn sẽ đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự trong BLHS Việt Nam và đề xuất những giải pháp bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản tại tỉnh Bình Phước cũng như trên toàn quốc.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, Luận văn đặt ra và giải quyết các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận về tội trộm cắp tài sản theo luật hình sự Việt Nam.
- Phân tích nội dung các quy định của pháp luật hình sự nước ta và của một số nước về tội trộm cắp tài sản.
- Khảo sát, làm rõ thực trạng áp dụng các quy định luật hình sự về tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước; đưa ra nhận xét, đánh giá về những vướng mắc, bất cập trong các quy định và thực tiễn áp dụng các quy định của Luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Áp dụng pháp luật hình sự đối với tội trộm cắp tài sản gồm nhiều nội dung, song trong Luận văn này chỉ đề cập đến hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt của tòa án tại tỉnh Bình Phước.
- Đề xuất các kiến nghị hoàn thiện các quy định về tội trộm cắp tài sản trong Bộ luật hình sự và các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng quy định của pháp luật về tội này trên địa bàn tỉnh Bình Phước và ở cả nước.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận, quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam và của một số nước về tội trộm cắp tài sản và thực tiễn áp dụng tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi về nội dung:* Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận, quy định, áp dụng về tội trộm cắp tài sản trong luật hình sự Việt Nam dưới góc độ luật hình sự.
- *Phạm vi về thời gian:* khảo sát thực tiễn áp dụng quy định về tội trộm cắp tài sản từ năm 2013 đến năm 2017.
- *Về địa bàn nghiên cứu:* Khảo sát, nghiên cứu thông qua các bản án trên phạm vi tỉnh Bình Phước

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. **Phương pháp luận:** đề tài này được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin với phép duy vật biện chứng, các quan điểm của Đảng và Nhà nước về tội phạm, hình phạt, về cải cách tư pháp, về đấu tranh phòng chống tội phạm.

5.2. **Phương pháp nghiên cứu:** để nghiên cứu Luận văn, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như:

- Phương pháp lịch sử: phương pháp này được sử dụng để làm rõ sự hình thành và phát triển của tội trộm cắp tài sản trong luật hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng Tháng Tám đến nay.
- Phương pháp thống kê, tổng hợp: phương pháp này được sử dụng để làm rõ tình hình xử lý hình sự đối với tội trộm cắp tài sản.
- Phương pháp phân tích, tổng hợp được tác giả sử dụng để làm rõ những vấn đề chung và những hạn chế, vướng mắc về tội trộm cắp tài sản.
- Phương pháp so sánh: được tác giả sử dụng để làm rõ những điểm giống và khác nhau giữa tội trộm cắp tài sản với các tội phạm khác có liên quan và đối chiếu quy định về tội trộm cắp tài sản trong luật hình sự Việt Nam với luật hình sự của một số quốc gia.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận :

Luận văn góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cũng như thực tiễn về tội trộm cắp tài sản, từ đó, đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn :

Các kết quả nghiên cứu của Luận văn có thể là tài liệu tham khảo có giá trị cho các cơ quan nhà nước thực hiện việc hoàn thiện hơn quy định về tội trộm cắp tài sản, và góp phần giải quyết những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự về tội phạm này mà trước hết tại tỉnh Bình Phước.

Những kết quả nghiên cứu của Luận văn đạt được còn có thể làm tài liệu

tham khảo cho các công trình nghiên cứu tiếp theo của chính học viên và cho những người có quan tâm trong quá trình công tác, học tập và nghiên cứu.

7. Kết cấu của luận văn.

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn gồm 3 chương.

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản.

Chương 2: Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Chương 3: Các yêu cầu và giải pháp bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN

1.1. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội trộm cắp tài sản

1.1.1. Khái niệm tội trộm cắp tài sản

Để có thể xây dựng khái niệm tội trộm cắp tài sản đòi hỏi phải nghiên cứu các định nghĩa về tội này trong các sách báo pháp lý:

Theo TS. Phạm Hồng Hải thì: “Tội trộm cắp tài sản được hiểu là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác ...” [63, tr. 219]

Theo GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa thì “*trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản đang có người khác quản lý*” [15, tr. 283]

Giáo trình Luật hình sự Việt Nam của trường Đại học Luật Hà Nội định nghĩa: “*Tội trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản đang có chủ ...*” [51, tr. 33]

Như vậy, dựa trên các định nghĩa tội trộm cắp tài sản trong các tài liệu nêu trên cho thấy các tác giả đều thống nhất đặc trưng của tội trộm cắp tài sản là lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác.

Để đưa ra được khái niệm về tội trộm cắp tài sản, trước hết cần phải đảm bảo khái niệm tội trộm cắp tài sản phải thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu của khái niệm tội phạm được quy định tại Điều 8 BLHS năm 2015. Trong khoa học pháp lý hình sự, “*tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, có lỗi, trái pháp luật hình sự và phải chịu hình phạt*” [52, tr. 60]

Trên cơ sở đó, chúng ta có thể đưa ra khái niệm tội trộm cắp tài sản như sau:

Tội trộm cắp tài sản là hành vi nguy hiểm cho xã hội, lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, do người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện với lỗi cố ý.

Với tư cách là một tội phạm, tội trộm cắp tài sản có các dấu hiệu chung của tội phạm:

- Thứ nhất, tội trộm cắp tài sản là hành vi có tính nguy hiểm đáng kể cho xã hội.

Tội trộm cắp tài sản có tính nguy hiểm cho xã hội được thể hiện ở chỗ nó gây thiệt hại cho quyền sở hữu của người khác. Tính nguy hiểm cho xã hội được xác định thông qua các tính tiết như: thiệt hại về tài sản mà tội phạm đã gây ra, thủ đoạn phạm tội, mức độ lỗi cố ý, động cơ, mục đích của tội phạm, nhân thân người phạm tội ...

Tội trộm cắp tài sản phải có tính nguy hiểm đáng kể cho xã hội, bởi vì những hành vi trộm cắp tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng tính nguy hiểm không đáng kể thì không bị coi là tội phạm (khoản 2 Điều 8 BLHS năm 2015).

Đặc điểm này có ý nghĩa quan trọng về mặt lý luận là khi hoàn thiện các dấu hiệu định tội của tội trộm cắp tài sản phải đảm bảo yêu cầu là cấu thành cơ bản tội trộm cắp tài sản phải có tính nguy hiểm đáng kể cho xã hội.

- Thứ hai, tội trộm cắp tài sản là hành vi có tính có lỗi.

Lỗi là thái độ chủ quan của con người đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình và đối với hậu quả của hành vi đó thể hiện dưới dạng cố ý hoặc vô ý. Người phạm tội phải có lỗi khi thực hiện hành vi bị coi là tội phạm thì việc áp dụng hình phạt đối với người đó mới có thể đạt được mục đích chủ yếu của hình phạt là cải tạo, giáo dục người phạm tội. Lỗi của tội trộm cắp tài sản là lỗi cố ý trực tiếp, là thái độ tâm lý của người phạm tội đối với hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác và hậu quả do hành vi đó gây ra.

Đặc điểm này đòi hỏi khi hoàn thiện các dấu hiệu định tội của tội trộm cắp tài sản phải đảm bảo yêu cầu là phải thể hiện cho được lỗi của tội trộm cắp tài sản trong cấu thành cơ bản chỉ là lỗi cố ý trực tiếp; trường hợp hỗn hợp lỗi (nếu có) chỉ có trong cấu thành tội phạm tăng nặng.

- Thứ ba, tội trộm cắp tài sản là hành vi có tính trái pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của BLHS năm 2015 thì hành vi nguy hiểm cho xã hội chỉ có thể bị coi là tội phạm nếu hành vi đó “được quy định trong Bộ luật hình sự...” và Điều 2 BLHS năm 2015 quy định: “Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự”. Do đó, tính trái pháp luật thể hiện ở chỗ tội trộm cắp tài sản phải được quy định trong luật

hình sự. Đây là yêu cầu của nguyên tắc pháp chế và là sự cụ thể cơ sở của trách nhiệm hình sự (Điều 2 BLHS năm 2015). Tội trộm cắp tài sản là một tội phạm được quy định tại Điều 173 BLHS năm 2015 nên khi xác định hành vi trộm cắp tài sản gây nguy hiểm đáng kể cho xã hội là tội phạm thì phải xác định nó có đầy đủ các dấu hiệu của tội trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS (cấu thành tội phạm cơ bản).

- Thứ tư, tội trộm cắp tài sản là hành vi có tính phải chịu hình phạt

Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong BLHS. Chỉ có hành vi phạm tội mới phải chịu hình phạt, không có tội phạm thì không có hình phạt. Tính chịu hình phạt của tội trộm cắp tài sản được thể hiện ở chỗ nó luôn phải đe dọa phải chịu hình phạt do việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Tội trộm cắp tài sản là một tội phạm được quy định tại Điều 173 BLHS nên khi một người phạm tội trộm cắp tài sản thì người đó có thể phải chịu hình phạt theo mức hình phạt được quy định trong BLHS. Tuy nhiên, tội trộm cắp tài sản “có thể” phải chịu hình phạt bởi vì trong một số trường hợp đặc biệt như: miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt ... thì người phạm tội trộm cắp tài sản không phải chịu hình phạt.

Hình phạt đối với hành vi trộm cắp tài sản chính là hình thức phản ánh tính nguy hiểm cho xã hội của tội này, thể hiện tính cưỡng chế nhà nước nghiêm khắc nhất nhằm răn đe và phòng ngừa đối với loại hành vi nguy hiểm đáng kể cho xã hội này.

Như vậy, tội trộm cắp tài sản có đầy đủ các dấu hiệu chung của tội phạm, đây là tiền đề quan trọng để Luận văn phân tích các dấu hiệu pháp lý của tội này.

1.1.2. Dấu hiệu pháp lý của tội trộm cắp tài sản

Tội trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 173 BLHS năm 2015. Theo quy định tại Điều 173 BLHS có thể thấy tội trộm cắp tài sản có các dấu hiệu pháp lý như sau:

** Khách thể của tội trộm cắp tài sản*

Khách thể trực tiếp của tội trộm cắp tài sản là quyền sở hữu, cụ thể là quyền

chiếm hữu, sử dụng và định đoạt của chủ tài sản đối với tài sản bị trộm cắp.

Đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản là tài sản. Tài sản theo quy định của Bộ luật dân sự gồm: vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền về tài sản. Vật là đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản phải thỏa mãn các điều kiện sau: (1) Phải là sản phẩm lao động của con người; (2) Không có tính chất và công dụng đặc biệt; (3) Chưa bị chủ tài sản hủy bỏ. Tiền luôn là đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản. Giấy tờ có giá chỉ là đối tượng của các tội xâm phạm sở hữu khi nó vô danh. Quyền về tài sản không phải là đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản.

** Mặt khách quan của tội trộm cắp tài sản*

Hành vi khách quan của tội trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi chiếm đoạt tài sản được thực hiện một cách lén lút, bí mật đối với người quản lý tài sản. Thông thường, người phạm tội cũng có tâm lý muốn che giấu hành vi phạm tội của mình đối với cả người không có trách nhiệm quản lý tài sản nhưng đây không phải là dấu hiệu bắt buộc của tội trộm cắp tài sản.

Trong khoa học pháp lý hình sự, cũng như trong thực tiễn áp dụng pháp luật, hành vi trộm cắp tài sản được coi là hoàn thành kể từ thời điểm người phạm tội đã chiếm hữu được tài sản trên thực tế. Để xác định thời điểm tài sản đã được chiếm hữu trên thực tế, cần phải cân nhắc trên cơ sở dựa vào đặc điểm, vị trí tài sản bị chiếm đoạt được.[51, tr. 34]

- o Nếu vật bị chiếm đoạt nhỏ gọn thì coi là đã chiếm đoạt được khi người phạm tội đã lấy được tài sản;

- o Nếu vật chiếm đoạt được không thuộc loại nói trên thì có là chiếm đoạt được khi đã mang vật đó ra khỏi khu vực bảo quản;

- o Nếu vật chiếm đoạt để ở nơi không hình thành khu vực bảo quản riêng thì coi là chiếm đoạt được khi đã dịch chuyển tài sản đó ra khỏi vị trí ban đầu và có khả năng chi phối, chiếm hữu tài sản đó trên thực tế.

Tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ hai triệu đồng trở lên hoặc dưới hai triệu đồng nhưng phải có thêm các dấu hiệu được quy định tại các điểm a,b,c,d khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015. Giữa hành vi trộm cắp tài sản và hậu quả là thiệt hại về

vật chất phải tồn tại mối quan hệ nhân quả.

** Chủ thể của tội trộm cắp tài sản*

Tội trộm cắp tài sản đòi hỏi chủ thể của tội phạm chỉ cần thỏa mãn hai điều kiện là có năng lực TNHS và đủ tuổi chịu TNHS. Người từ đủ 16 tuổi trở lên chịu TNHS về tội trộm cắp tài sản trong mọi trường hợp; người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu TNHS trong trường hợp phạm tội tại khoản 3, 4 Điều 173 BLHS năm 2015.

** Mặt chủ quan của tội phạm*

Người phạm tội trộm cắp tài sản có lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội, họ mong muốn chiếm đoạt được tài sản của nạn nhân. Động cơ phạm tội không phải là dấu hiệu định tội của tội trộm cắp tài sản, còn mục đích chiếm đoạt tài sản là dấu hiệu bắt buộc của tội này.

1.1.3. Cấu thành tăng nặng của Tội trộm cắp tài sản theo Bộ luật Hình sự năm 2015.

Điều 173 BLHS năm 2015 quy định bốn khung hình phạt, cụ thể:

- Khoản 1 Điều 173 BLHS quy định phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, áp dụng cho người phạm tội không có tình tiết định khung tăng nặng TNHS.

- Khoản 2 Điều 173 BLHS quy định phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 đến 07 năm: a) Có tổ chức; b) Có tính chất chuyên nghiệp; c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm; đ) Hành hung để tẩu thoát; e) Tài sản là bảo vật quốc gia; g) Tái phạm nguy hiểm.

- Khoản 3 Điều 173 BLHS quy định phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; b) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.

- Khoản 4 Điều 173 BLHS quy định phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm: a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên; b) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.

Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

1.2. Phân biệt tội trộm cắp tài sản trong luật hình sự Việt Nam với một số tội phạm khác

1.2.1. Phân biệt tội trộm cắp tài sản với tội chiếm giữ trái phép tài sản (Điều 176 BLHS năm 2015)

Theo quy định tại khoản 1 Điều 176 BLHS năm 2015 thì Tội chiếm giữ trái phép tài sản là hành vi cố tình không trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc không giao nộp cho cơ quan có trách nhiệm tài sản trị giá từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc dưới 10.000.000 đồng nhưng tài sản là di vật, cổ vật hoặc vật có giá trị lịch sử, văn hóa bị giao nhầm hoặc do mình tìm được, bắt được, sau khi chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc cơ quan có trách nhiệm yêu cầu được nhận lại tài sản đó theo quy định của pháp luật. Những điểm khác nhau cơ bản giữa tội trộm cắp tài sản và tội chiếm giữ trái phép tài sản (Điều 176 BLHS năm 2015) như sau:

Thứ nhất, đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản là tài sản đang trong sự quản lý của người khác, còn đối tượng tác động của tội chiếm giữ trái phép tài sản là tài sản đã thoát ly khỏi sự quản lý của chủ tài sản như tài sản không có chủ, tài sản đang trong tình trạng không nằm trong sự quản lý của chủ tài sản như tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, bị giao nhầm..

Thứ hai, hành vi khách quan của tội trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, còn hành vi khách quan của tội chiếm giữ trái phép tài sản là hành vi cố tình không trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc không giao nộp cho cơ quan có trách nhiệm tài sản bị giao nhầm hoặc do mình tìm được, bắt được, sau khi chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc cơ quan có trách nhiệm yêu cầu được nhận lại tài sản đó theo quy định của pháp luật.

1.2.2. Phân biệt tội trộm cắp tài sản với tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (Điều 290 BLHS năm 2015)

Theo quy định tại khoản 1 Điều 290 BLHS năm 2015 thì tội sử dụng mạng

máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản được hiểu là hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử thực hiện một trong những hành vi sau đây, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này: (a) Sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của cơ quan, tổ chức, cá nhân để chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ; (b) Làm, tàng trữ, mua bán, sử dụng, lưu hành thẻ ngân hàng giả nhằm chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ; (c) Truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản; (d) Lừa đảo trong thương mại điện tử, thanh toán điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn, kinh doanh đa cấp hoặc giao dịch chứng khoán qua mạng nhằm chiếm đoạt tài sản; (đ) Thiết lập, cung cấp trái phép dịch vụ viễn thông, internet nhằm chiếm đoạt tài sản.

Điểm khác nhau cơ bản giữa tội trộm cắp tài sản và tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là:

Thứ nhất, khách thể trực tiếp của tội trộm cắp tài sản là quyền sở hữu của người khác, còn khách thể trực tiếp của tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là an toàn thông tin, mạng viễn thông (thuộc nhóm các tội xâm phạm an toàn công cộng).

Thứ hai, hành vi khách quan của tội trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, còn hành vi khách quan của tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là các hành vi chiếm đoạt tài sản có đặc trưng là thông qua mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử - đa dạng hơn rất nhiều và bao gồm cả hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản.

Trong trường hợp hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với thủ đoạn lén lút và có đủ yếu tố cấu thành của tội trộm cắp tài sản (Điều 173 BLHS năm 2015) thì sẽ bị xử lý về tội trộm cắp tài sản (Điều 173 BLHS năm 2015) chứ không xử lý về tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài

sản (Điều 290 BLHS năm 2015). Cơ sở của việc quy định này xuất phát lý luận định tội danh theo khách thể là quan hệ sở hữu thể hiện đầy đủ tính chất nguy hiểm của hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản bằng cách sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử hơn là an toàn thông tin, mạng viễn thông. Chẳng hạn: hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử lén lút chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 2 triệu đồng trở lên thì xử lý về tội trộm cắp tài sản (Điều 173 BLHS năm 2015), còn ngược lại nếu tài sản chiếm đoạt dưới 2 triệu đồng (không thuộc các trường hợp chiếm đoạt dưới 2 triệu đồng của tội trộm cắp tài sản) thì sẽ bị xử lý về tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (Điều 290 BLHS năm 2015).

1.2.3. Phân biệt tội trộm cắp tài sản với tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản (Điều 242 BLHS năm 2015)

Tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản được hiểu là hành vi khai thác trái phép cây rừng, lâm sản hoặc có hành vi khác vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản nếu không thuộc trường hợp quy định tại tội hủy hoại rừng (Điều 243 BLHS năm 2015). Điểm khác nhau cơ bản giữa hai tội này là:

Thứ nhất, khách thể trực tiếp của tội trộm cắp tài sản là quyền sở hữu của người khác, còn khách thể trực tiếp của Tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản là chế độ quản lý nhà nước về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

Thứ hai, đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản là tài sản của người khác, còn đối tượng tác động của tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng là các loại rừng, lâm sản (chưa có sự đầu tư sức lao động của con người).

Thứ ba, hành vi khách quan của tội trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác; còn hành vi khách quan của tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng bao gồm các hành vi khai thác, tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép rừng, lâm sản.

1.3. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản từ năm 1945 đến nay

1.3.1. Tội trộm cắp tài sản trong luật hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985

Từ sau Cách mạng Tháng Tám thành công, Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật hình sự quy định việc trừng trị các tội xâm phạm tài sản XHCN. Có thể kể đến một số văn bản như: Sắc lệnh ngày 15 tháng 1 năm 1946 trừng phạt những người phạm tội ăn trộm, ăn cắp và tự ý phá huỷ dây điện thoại hay dây điện tín, Sắc lệnh 26-SL ngày 25-2-1946 về các tội phá huỷ công sản, Sắc lệnh số 267-SL ngày 15-6-1956 về các âm mưu và hành động phá hoại tài sản của Nhà nước, Hợp tác xã và của nhân dân, làm cản trở việc thực hiện chính sách, kế hoạch Nhà nước.

Đồng thời, Nhà nước ta cũng quan tâm đến việc bảo vệ các tài sản riêng của Công dân như quy định tại Thông tư 442-TTg ngày 19-1-1955 của Thủ tướng Chính phủ.

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, Miền Bắc tiến hành xây dựng CNXH. Để góp phần vào việc bảo vệ sự nghiệp xây dựng kinh tế và văn hoá mới, nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ban hành sắc lệnh 267-SL năm 1957 nhằm trừng trị những âm mưu, hành động phá hoại hoặc làm thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, của hợp tác xã và của nhân dân. Điều 2 và Điều 3 của Sắc lệnh 267-SL có quy định về Tội trộm cắp nhưng dùng các thuật ngữ có khác nhau là “trộm cắp tài sản”- “Điều 2. Kẻ nào vì mục đích phá hoại mà **trộm cắp**, lãng phí, làm hỏng, huỷ hoại, cướp bóc tài sản của Nhà nước, của hợp tác xã và của nhân dân sẽ bị phạt từ 5 năm đến 20 năm tù.”

Điều 5 của Sắc lệnh 267 cũng đã quy định mức hình phạt đến chung thân và tử hình cho tội phạm trộm cắp (đánh cắp) nói tại Điều 2 và Điều 3 trên khi thuộc một trong những trường hợp sau đây: *a. Chủ mưu, cầm đầu một tổ chức phá hoại; b. Đã gây nhiều thiệt hại nghiêm trọng; c. Đã dùng thủ đoạn, phương pháp cực kỳ gian ác; d. Đã phá hoại những công trình lợi ích công cộng quan hệ trực tiếp đến đời sống của nhân dân;*

Ngoài quy định về hình phạt, người phạm tội trộm cắp còn phải bồi thường thiệt hại, bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản và bị tước quyền công dân.

Ngay từ khi mới thành lập chính quyền nhân dân, để công tác bảo vệ trật tự, an ninh khỏi bị gián đoạn, Chính phủ đã ban bố Sắc lệnh ngày 10-10-1945 tạm thời cho phép các Tòa án áp dụng những luật lệ cũ trừ những khoản trái với tinh thần độc lập và dân chủ. Sau đó, do các luật cũ có nhiều điều, khoản không phù hợp nên Chính phủ đã ban bố một số Sắc lệnh trừng trị tội tham ô, tội tổng tiền, bắt cóc, ám sát, tội đánh bạc như là Sắc lệnh số 27/SL, ngày 28-2-1946, số 223/SL ngày 27-11-1946, số 168/SL ngày 14-4-1948. Bên cạnh đó, nhằm tăng cường bảo vệ trật tự, an ninh trong giai đoạn hiện tại, Chính phủ đã ra quyết nghị trừng trị bọn lưu manh chuyên sinh sống về nghề trộm cướp.

Đến năm 1955, nhà nước đã ban hành Thông tư 442-TTg quy định thống nhất một số tội phạm, trong đó có tội trộm cắp tài sản:

“1. Trộm cắp: phạt tù từ 3 tháng đến 3 năm. Trường hợp trộm có tổ chức, có bạo lực, có dùng vũ khí để dọa nạt thì phạt tù từ 3 đến 10 năm.”

Điểm đặc biệt của Thông tư này là cho phép áp dụng tương tự, có nghĩa là nếu ngoài tội trộm cắp tài sản ra, đối với những tội tương tự với tội trộm cắp, các Tòa án có thể phạt theo như tội đó. Như vậy, trong giai đoạn từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Nhà nước ta đã ban hành những văn bản pháp luật hình sự đơn lẻ trong đó có quy định về tội trộm cắp tài sản.

Đến năm 1970, do yêu cầu khách quan của việc tăng cường pháp chế XHCN, ngày 21/10, Nhà nước ta đã thông qua 2 Pháp lệnh mới, trên tinh thần pháp điển hóa các văn bản pháp luật trước đó quy định về Tội trộm cắp tài sản nói riêng và các tội xâm phạm sở hữu nói chung. Đó là:

- *Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản XHCN;*
- *Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân;*

Hai pháp lệnh nay đã thay thế các luật lệ cũ về các tội phạm này vì không còn thích hợp nữa. Trong đó, tội trộm cắp được quy định tại hai pháp lệnh với tên tội danh là Tội trộm cắp tài sản XHCN và Tội trộm cắp tài sản riêng của công dân.

Điều 7 Pháp lệnh trừng trị các Tội xâm phạm tài sản XHCN quy định Tội trộm cắp tài sản XHCN.

“1. Kẻ nào trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa thì bị phạt tù từ 6 tháng đến 5 năm.

2. Phạm tội trong những trường hợp sau đây: a) Có tính chất chuyên nghiệp hoặc tái phạm nguy hiểm; b) Có tổ chức; c) Có móc ngoặc; d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm; đ) Trộm tài sản với số lượng lớn hoặc tài sản có giá trị đặc biệt; e) Dùng tài sản trộm cắp vào việc kinh doanh, bóc lột, đầu cơ hoặc vào những việc phạm tội khác;

Thì bị phạt tù từ 3 năm đến 12 năm.

3. Phạm tội trong trường hợp số tài sản bị xâm phạm rất lớn hoặc có nhiều tình tiết nghiêm trọng, hoặc gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì phạt tù từ 10 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc bị xử tử hình”.

Trong Pháp lệnh này, tài sản XHCN bao gồm tài sản thuộc quyền sở hữu của Nhà nước (tức là sở hữu của toàn dân) và tài sản thuộc quyền sở hữu của hợp tác xã và các tổ chức hợp pháp khác của nhân dân (tức là sở hữu của tập thể).

Điều 6 Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân quy định Tội trộm cắp tài sản riêng của công dân:

“1. Kẻ nào trộm cắp tài sản riêng của công dân thì bị phạt tù từ 3 tháng đến 3 năm.

a) Phạm tội trong những trường hợp sau đây: a) Có tính chất chuyên nghiệp hoặc tái phạm nguy hiểm; b) Có tổ chức; c) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm; d) Gây hậu quả nghiêm trọng đến đời sống của người bị thiệt hại hoặc gây hậu quả nghiêm trọng khác.

Thì bị phạt tù từ 2 năm đến 10 năm.

2. Phạm tội trong trường hợp gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm”.

Khác với tội trộm cắp tài sản XHCN, tội trộm cắp tài sản riêng của công dân có mức hình phạt chỉ tối đa là 15 năm.

Việc ban hành song song hai bản Pháp lệnh thời điểm này thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta trong việc bảo vệ không những đối với tài sản nhà nước, của hợp tác xã, mà cả đối với tài sản riêng của công dân, góp phần xây dựng CNXH tại Miền Bắc.

1.3.2. Tội trộm cắp tài sản trong Bộ luật hình sự năm 1985

Hai Pháp lệnh năm 1970 đã phát huy vai trò trong một thời gian dài cho đến khi Nhà nước ta ban hành Bộ luật hình sự đầu tiên của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 1985 và được tiếp tục kế thừa trong các quy định Bộ luật này. Trong BLHS năm 1985, Tội trộm cắp tài sản XHCN được quy định tại Điều 132 Chương 4 (có mức hình phạt cao nhất là tử hình) và Tội trộm cắp tài sản của công dân quy định tại Điều 155 Chương 6 của BLHS năm 1985 (có mức hình phạt cao nhất là tù hai mươi năm).

Điều 132. Tội trộm cắp tài sản XHCN

1. Người nào trộm cắp tài sản XHCN thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ ba năm đến mười hai năm: a) Có tổ chức; b) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm; c) Hành hung để tẩu thoát; d) Chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn; đ) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình.

Điều 155. Tội trộm cắp tài sản của công dân

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai năm đến mười năm: a) Có tổ chức; b) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm; hành hung để tẩu thoát; c) Chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn hoặc gây hậu quả nghiêm trọng khác; d) Tái phạm nguy hiểm

3. Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ bảy năm đến hai mươi năm.

Các vấn đề liên quan đến định lượng tài sản để xác định cấu thành Tội trộm cắp tài sản và các khung hình phạt tăng nặng được hướng dẫn trong các Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán đã có hiệu lực áp dụng thống nhất trong một thời gian dài cho đến khi ra đời BLHS năm 1999.

1.3.3. Tội trộm cắp tài sản trong Bộ luật hình sự năm 1999

Trong đường lối chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa việc sửa đổi toàn diện BLHS năm 1985 là một đòi hỏi khách quan của hoạt động lập pháp hình sự. Đáp ứng yêu cầu đó, ngày 21 tháng 12 năm 1999, Quốc hội nước cộng hòa XHCN Việt Nam khóa X tại kỳ họp thứ 6 đã thông qua BLHS năm 1999, thay thế BLHS năm 1985. BLHS năm 1999 có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2000.

BLHS năm 1999 đã gộp hai chương xâm phạm sở hữu trong BLHS năm 1985 thành một chương và tội trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 138. Nghiên cứu Điều 138 BLHS năm 1999 so với quy định tương ứng về tội trộm cắp tài sản trong BLHS năm 1985 có một số điểm mới sau:

Thứ nhất, BLHS năm 1999 đã hợp nhất hai điều luật về tội trộm cắp tài sản XHCN (Điều 132) và tội trộm cắp tài sản của công dân (Điều 155) của BLHS năm 1985 thành một điều luật quy định về tội trộm cắp tài sản (Điều 138). Như vậy sẽ không còn hai cấu thành tội phạm về tội trộm cắp tài sản phân theo loại tài sản nữa. Để đáp ứng đường lối xử lý người phạm tội xâm phạm quyền sở hữu tài sản, Điều 48 quy định tình tiết tăng nặng mới "Xâm phạm tài sản nhà nước".

Thứ hai, khi quy định về tội trộm cắp tài sản, BLHS năm 1999 đã định lượng giá trị tài sản bị chiếm đoạt, người phạm tội có thể bị truy cứu TNHS theo các khoản khác nhau của Điều 138 BLHS.

Thứ ba, nếu trước đây Điều 132 và Điều 155 BLHS năm 1985 chỉ có ba khung hình phạt thì Điều 138 BLHS năm 1999 quy định bốn khung hình phạt nên đã có thể thu hẹp khoảng cách giữ mức tối đa và mức tối thiểu của một khung hình phạt và tạo cơ sở pháp lý cho việc truy cứu TNHS chuẩn xác hơn.

Thứ tư, Điều 138 BLHS năm 1999 đã xác định ranh giới giữa trường hợp

hành vi vi phạm pháp luật hành chính với trường hợp phạm tội. Người lấy tài sản của người khác có giá trị dưới 500.000 đồng và hành vi này không gây hậu quả nghiêm trọng hoặc người đó chưa bị xử lý hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc chưa bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản thì chỉ bị xử phạt hành chính.

Tuy nhiên, để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế trong thời kỳ mới, BLHS năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung một lần vào năm 2009, xác định lại ranh giới giữa trường hợp hành vi vi phạm pháp luật hành chính với trường hợp phạm tội cụ thể: Người lấy tài sản của người khác có giá trị dưới 2 triệu đồng và hành vi này không gây hậu quả nghiêm trọng hoặc người đó chưa bị xử lý hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc chưa bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản thì chỉ bị xử phạt hành chính.

1.3.4. Tội trộm cắp tài sản trong Bộ luật hình sự năm 2015

Để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới, ngày 27/11/2015, Bộ luật hình sự năm 2015 được Quốc hội thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01.07.2016. Tuy nhiên, khi chưa có hiệu lực, do có nhiều sai sót BLHS năm 2015 bị dừng lại để sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 của Quốc hội ngày 29/6/2016. Ngày 20/6/2017, Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015 và Luật này có hiệu lực từ ngày 1/1/2018. Như vậy, BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực từ ngày 1/1/2018.

Tội trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 173 BLHS năm 2015 có cấu thành tội phạm cơ bản như sau:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm; b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã

hội; d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

So với quy định tại Điều 138 BLHS năm 1999, thì cấu thành cơ bản của tội trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều 173 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có một số điểm thay đổi. Cụ thể là, trong trường hợp trộm cắp tài sản dưới 2 triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp thì BLHS năm 2015 đã: (1) Thay dấu hiệu “gây hậu quả nghiêm trọng” thành dấu hiệu “*Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội*”, (2) Bổ sung thêm dấu hiệu “*Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là kỷ vật, di vật*”

Qua nghiên cứu quy định của tội trộm cắp tài sản từ năm 1945 đến nay cho thấy: các quy định về tội trộm cắp tài sản ngày càng hoàn thiện hơn, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong từng giai đoạn lịch sử. Cùng với những kinh nghiệm thực tiễn được đúc rút từ thực tiễn đấu tranh phòng chống tội trộm cắp tài sản, việc nghiên cứu các quy định pháp luật hình sự trước đây và hiện hành về tội trộm cắp tài sản là cơ sở khoa học quan trọng cho việc hoàn thiện các quy định về tội trộm cắp tài sản trong luật hình sự.

1.4. Quy định của pháp luật hình sự một số nước về tội trộm cắp tài sản

1.4.1. Tội trộm cắp tài sản trong luật hình sự Liên bang Nga [48]

Trong Bộ luật hình sự Liên bang Nga, tội trộm cắp tài sản được quy định như sau:

Điều 158. Tội trộm cắp tài sản

1. Trộm cắp tài sản là bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác thì bị phạt tiền đến tám mươi nghìn rúp hoặc bằng lương hay bằng thu nhập khác của người bị kết án đến sáu tháng, hoặc bị phạt lao động bắt buộc đến một trăm tám mươi giờ, hoặc bị phạt lao động cải tạo từ sáu tháng đến một năm, hoặc bị hạn chế tự do đến hai năm, hoặc bị phạt giam đến bốn tháng, hoặc bị phạt tù đến hai năm.

2. Hành vi trộm cắp tài sản được thực hiện: a) bởi nhóm người có bàn bạc từ trước; b) kèm theo hành vi đột nhập trái pháp luật vào nhà hoặc kho khác; c) kèm theo việc gây thiệt hại đáng kể cho công dân; d) từ quần áo, túi xách hoặc đồ xách tay khác trên người bị hại

thì bị phạt tiền đến hai trăm nghìn rúp hoặc bằng lương hay bằng thu nhập khác của người bị kết án đến mười tám tháng, hoặc bị phạt lao động bắt buộc từ một trăm tám mươi giờ đến hai trăm bốn mươi giờ, hoặc bị lao động cải tạo từ một năm đến hai năm, hoặc bị phạt tù đến năm năm có hoặc không kèm theo hạn chế tự do đến một năm.

3. Hành vi trộm cắp được thực hiện: a) Kèm theo hành vi đột nhập trái phép vào nhà ở; b) Từ ống dẫn dầu mỏ, ống dẫn các sản phẩm dầu mỏ, ống dẫn ga; c) Ở mức độ nghiêm trọng

thì bị phạt tiền từ một trăm nghìn đến năm trăm nghìn rúp hoặc bằng lương hay bằng thu nhập khác của người bị kết án đến mười tám tháng hoặc bị phạt lao động bắt buộc từ một trăm tám mươi giờ đến hai trăm bốn mươi giờ, hoặc bị phạt lao động cải tạo từ một năm đến hai năm, hoặc bị phạt tù đến năm năm có hoặc không kèm theo bị hạn chế tự do đến một năm.

4. Hành vi trộm cắp được thực hiện: a) Bởi nhóm có tổ chức; b) Ở mức độ đặc biệt lớn

thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm có hoặc không kèm theo phạt tiền đến một triệu rúp hoặc bằng lương hay bằng thu nhập khác của người bị kết án đến năm năm có hoặc không kèm theo bị hạn chế tự do đến hai năm.

Ghi chú:

1. Tội trộm cắp tài sản theo Điều luật này hiểu là hành vi lấy đi và (hoặc) sử dụng trái pháp luật không bồi hoàn tài sản của người khác nhằm mục đích trục lợi của người phạm tội hoặc những người khác gây ra thiệt hại cho chủ sở hữu hoặc chủ nhân khác tài sản này.

2. Thiệt hại đáng kể cho công dân theo Điều luật này được định nghĩa trên cơ sở xác định hoàn cảnh vật chất của công dân nhưng không dưới hai nghìn năm trăm rúp.

3. Nhà theo Điều luật này được hiểu là các tòa nhà và công trình không phụ thuộc vào hình thức sở hữu được con người dùng thường xuyên hoặc tạm thời để ở hoặc để sắp xếp các giá trị vật chất phục vụ cho sản xuất hoặc các công việc khác.

Nhà kho theo Điều luật này được hiểu là nơi để chứa những đồ dùng, dụng cụ dân dụng tách biệt hẳn với các tòa nhà ở, các khu đất, đường ống dẫn, các công trình khác không phụ thuộc vào hình thức sở hữu được dùng để bảo quản thường xuyên hoặc tạm thời các giá trị vật chất.

4. Mức độ nghiêm trọng theo Điều luật này là giá trị tài sản vượt quá hai trăm năm mươi nghìn rúp, còn đặc biệt lớn – một triệu rúp.

So sánh với quy định về tội trộm cắp tài sản tại Điều 173 BLHS năm 2015, chúng ta thấy tội trộm cắp tài sản trong BLHS Liên bang Nga có những điểm giống và khác nhau như sau:

* Những điểm giống nhau:

Thứ nhất, tội trộm cắp tài sản trong BLHS Liên bang Nga và BLHS Việt Nam đều giống nhau ở những dấu hiệu định tội cơ bản: đều xâm phạm sở hữu của người khác, đều có hành vi khách quan là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản người khác, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý.

Thứ hai, tội trộm cắp tài sản trong BLHS Liên bang Nga và BLHS Việt Nam đều sử dụng giá trị tài sản làm cơ sở để xây dựng các cấu thành định khung tăng nặng (nhưng BLHS Liên Bang Nga không quy định giá trị tài sản bị trộm cắp làm dấu hiệu định tội như BLHS Việt Nam).

* Những điểm khác nhau:

Thứ nhất, BLHS Liên bang Nga đã làm rõ ngay hành vi trộm cắp tài sản trong quy định của cấu thành cơ bản, còn BLHS Việt Nam không làm rõ hành vi trộm cắp tài sản (quy định giản đơn). Chúng tôi cho rằng đây là một ưu điểm của BLHS Liên bang Nga mà chúng ta nên tiếp thu và hoàn thiện BLHS Việt Nam theo hướng quy định mô tả về hành vi trộm cắp tài sản ngay trong luật, đảm bảo việc hiểu và áp dụng pháp luật hình sự được thống nhất.

Thứ hai, trong cấu thành cơ bản của tội trộm cắp tài sản trong BLHS Liên Bang Nga không quy định dấu hiệu định lượng (tài sản bị trộm cắp tài sản trị giá bao nhiêu) thì bị xử lý hình sự; còn BLHS Việt Nam có quy định dấu hiệu định lượng tài sản là chiếm đoạt tài sản từ 2 triệu đồng trở lên hoặc dưới 2 triệu đồng thì

phải kèm theo các dấu hiệu định tội khác (đã bị xử lý hành chính, đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích ...).

Theo tôi, điểm khác biệt này trong chừng mực nào đó thể hiện ưu điểm của BLHS Việt Nam trong việc quy định tội trộm cắp tài sản trong luật hình sự đảm bảo phân biệt giữa tội phạm và vi phạm pháp luật hành chính, giữa tội phạm và không phải là tội phạm.

Thứ ba, BLHS Liên bang Nga không quy định các trường hợp xử lý hình sự đối với các trường hợp xâm phạm sở hữu mà có những điểm xấu về nhân thân hoặc các dấu hiệu khác không liên quan đến giá trị về tài sản bị chiếm đoạt như trong BLHS Việt Nam: “đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm”, “đã bị kết án chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”, “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”, “tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ”, “tài sản là di vật, cổ vật”.

Theo tôi, đây là điểm mà chúng ta cần tiếp thu bởi lẽ chúng ta quy định tội trộm cắp tài sản và xử lý hình sự vì người phạm tội có hành vi nguy hiểm cho xã hội do xâm phạm sở hữu của người khác chứ không phải do người đó có điểm xấu về nhân thân hoặc những yếu tố mà theo ý chí chủ quan của người phạm tội không thể nào biết được – phản ánh sự phủ định chủ quan của họ đối với xã hội như: “tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ”, “tài sản là di vật, cổ vật”.

Nghiên cứu các ưu điểm và hạn chế nêu trên về quy định tội trộm cắp trong BLHS Việt Nam với quy định tương ứng của BLHS Liên bang Nga giúp chúng ta có cơ sở để hoàn thiện hơn quy định của BLHS Việt Nam về tội trộm cắp tài sản.

1.4.2. Tội trộm cắp tài sản trong luật hình sự Cộng hòa Liên bang Đức [47]

Khác với BLHS năm 2015 của Việt Nam chỉ quy định tội trộm cắp tài sản ở một điều luật (Điều 173) còn BLHS Cộng hòa Liên bang Đức dành hẳn một chương riêng (Chương 19) quy định hành vi trộm cắp tài sản thành nhiều tội danh khác nhau. Cụ thể là: Điều 242. Trộm cắp tài sản; Điều 243. Trường hợp đặc biệt

nghiêm trọng của tội trộm cắp; Điều 244. Trộm cắp có vũ khí, trộm cắp có băng nhóm, trộm cắp có đột nhập nhà ở; Điều 244a. Trộm cắp có băng nhóm nghiêm trọng; Điều 247. Trộm cắp trong nhà và trộm cắp trong gia đình; Điều 248a. Trộm cắp và chiếm đoạt những đồ vật có giá trị nhỏ; Điều 248c. Lầy trộm năng lượng điện.

So sánh với quy định về tội trộm cắp tài sản tại Điều 173 BLHS năm 2015, chúng ta thấy tội trộm cắp tài sản trong BLHS Cộng hòa Liên bang Đức có những điểm giống và khác nhau như sau:

*** Những điểm giống nhau:**

Các tội trộm cắp tài sản trong BLHS Cộng hòa Liên bang Đức và tội trộm cắp tài sản trong BLHS Việt Nam đều giống nhau ở những dấu hiệu định tội cơ bản: đều xâm phạm sở hữu của người khác, đều có hành vi khách quan là hành vi chiếm đoạt tài sản người khác, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý.

*** Những điểm khác nhau:**

Thứ nhất, khác với BLHS năm 2015 của Việt Nam chỉ quy định tội trộm cắp tài sản ở một điều luật (Điều 173) thì BLHS Cộng hòa Liên bang Đức dành hẳn một chương riêng (Chương 19) quy định hành vi trộm cắp tài sản thành nhiều tội danh khác nhau. Như vậy, BLHS Liên bang Đức đã thể hiện sự phân hóa trách nhiệm hình sự của các trường hợp trộm cắp tài sản thành nhiều tội danh khác nhau và mỗi tội danh đều có các khung hình phạt. So với quy định của BLHS Việt Nam thì BLHS Đức cho thấy thể hiện sự phân hóa trách nhiệm hình sự chi tiết hơn BLHS Việt Nam. Trong BLHS Việt Nam, việc phân hóa trách nhiệm hình sự đối với các trường hợp trộm cắp tài sản chỉ bằng một tội danh với cấu thành tội phạm cơ bản và các cấu thành tội phạm tăng nặng. Ở điểm khác này, chúng ta có thể tiếp thu ưu điểm của BLHS Liên bang Đức bằng cách nếu không phân hóa tội trộm cắp tài sản trong luật hình sự Việt Nam thành các tội danh (do truyền thống lập pháp từ trước đến nay) thì cũng nên nghiên cứu bổ sung vào dấu hiệu định khung của tội trộm cắp các dấu hiệu định khung như: trộm cắp có băng nhóm, trộm cắp có đột nhập nhà ở, trộm cắp điện... để phân hóa trách nhiệm hình sự tốt hơn đối với các trường hợp phạm tội trộm cắp tài sản.

Thứ hai, BLHS Cộng hòa Liên Bang Đức không quy định giá trị tài sản trộm cắp tối thiểu để coi là tội phạm (tương tự như quy định của BLHS Liên bang Nga) như BLHS Việt Nam. Chúng tôi cho rằng đây cũng là một ưu điểm của BLHS Việt Nam, việc quy định như vậy đảm bảo phân biệt tội trộm cắp tài sản với trường hợp không phải là tội phạm và đây là ưu điểm mà chúng ta cần tiếp tục phát huy.

Thứ ba, trong tất cả các tội danh trộm cắp tài sản của BLHS Cộng hòa Liên bang Đức đều không quy định là dấu hiệu định tội đối với các trường hợp trộm cắp tài sản mà có những điểm xấu về nhân thân hoặc các dấu hiệu khác không liên quan đến giá trị về tài sản bị chiếm đoạt như trong BLHS Việt Nam: “đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm”, “đã bị kết án chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”, “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”, “tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ”, “tài sản là di vật, cổ vật”. Điều này cũng giống như quy định về tội trộm cắp tài sản trong BLHS Liên bang Nga như đã phân tích ở trên. Đây cũng là điểm khác so với BLHS Việt Nam mà chúng ta cần lưu ý.

1.4.3. Tội trộm cắp tài sản trong luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa [13]

BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định tội trộm cắp tài sản như sau:

Điều 264

Người nào trộm cắp tài sản của công hoặc tư với số lượng tương đối lớn hoặc trộm cắp nhiều lần, thì bị phạt tù đến dưới 3 năm, cải tạo lao động hoặc quản chế, kèm theo phạt tiền hoặc chỉ bị phạt tiền; nếu trộm cắp với số lượng lớn hoặc có những tình tiết nghiêm trọng khác, thì bị phạt tù từ 3 năm đến 10 năm và bị phạt tiền; nếu trộm cắp tài sản với số lượng đặc biệt lớn hoặc có những tình tiết đặc biệt nghiêm trọng khác, thì bị phạt tù từ 10 năm trở lên hoặc tù chung thân và bị phạt tiền hoặc tịch thu tài sản; nếu có một trong những hành vi dưới đây, thì bị phạt tù chung thân hoặc tử hình và bị tước thu tài sản:

1. Trộm cắp tiền, tài sản với số lượng đặc biệt lớn từ ngân hàng hoặc các tổ chức tài chính khác;

2. Trộm cắp tài sản quý hiếm, có tình tiết quan trọng.

So sánh với quy định về tội trộm cắp tài sản tại Điều 173 BLHS năm 2015, chúng ta thấy tội trộm cắp tài sản trong BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa có những điểm giống và khác nhau như sau:

** Những điểm giống nhau:*

- Thứ nhất, BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa giống như BLHS Việt Nam đều không quy định mô tả thể nào là trộm cắp tài sản (quy định giản đơn). Đây là điểm khác so với BLHS Liên bang Nga và BLHS Cộng hòa Liên bang Đức như đã phân tích ở trên.

- Thứ hai, tội trộm cắp tài sản trong BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định trong cấu thành tội phạm cơ bản là chiếm đoạt tài sản đến một giá trị tài sản nào hoặc tái vi phạm thể hiện bằng cụm từ “*với số lượng tương đối lớn hoặc trộm cắp nhiều lần*” thì bị xử lý hình sự. Đây cũng là điểm giống với BLHS Việt Nam khi quy định về dấu hiệu định tội với tài sản bị chiếm đoạt từ 2 triệu đồng trở lên hoặc các điểm xấu về nhân thân (đã bị xử phạt hành chính, đã bị kết án chưa được xóa án tích mà còn vi phạm)

** Những điểm khác nhau:*

- Thứ nhất, BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa không quy định tên tội danh tại điều luật như BLHS Việt Nam. Việc quy định như vậy có thể dẫn đến khó khăn xác định tên tội danh khi định tội danh.

- Thứ hai, BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa không quy định là dấu hiệu định tội đối với các trường hợp trộm cắp tài sản với các dấu hiệu “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”, “tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ”, “tài sản là di vật, cổ vật” như trong BLHS Việt Nam.

- Thứ ba, việc phân hóa tội trộm cắp tài sản trong BLHS Trung Hoa bằng các dấu hiệu định khung tăng nặng ít hơn so với BLHS Việt Nam. Cụ thể: Tội trộm cắp tài sản trong BLHS năm 2015 của Việt Nam được phân chia thành bốn khung hình phạt với nhiều tình tiết định khung hơn so với BLHS Cộng hòa nhân dân Trung

Hoa. Đây cũng là ưu điểm của BLHS Việt Nam mà chúng ta cần tiếp tục phát huy để tiếp tục phân hóa trách nhiệm hình sự hơn nữa đối với tội trộm cắp tài sản trong luật hình sự.

Tóm lại, qua nghiên cứu các quy định về tội trộm cắp tài sản trong luật hình sự một số nước trên thế giới cho thấy quy định về tội trộm cắp tài sản trong BLHS năm 2015 có nhiều điểm giống và khác nhau so với BLHS của một số nước đã nghiên cứu. Với các ưu điểm và hạn chế của quy định tội trộm cắp tài sản trong BLHS Việt Nam so với các quy định tương ứng của BLHS một số nước như đã phân tích nêu trên, điều này sẽ gợi ý những đề xuất hoàn thiện quy định về tội trộm cắp tài sản trong luật hình sự Việt Nam. Những vấn đề đặt ra như: có nên quy định những điểm xấu về nhân thân là dấu hiệu của tội trộm cắp tài sản hay không? Có nên quy định dấu hiệu “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”, “tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ”, “tài sản là di vật, cổ vật” vào trong cấu thành cơ bản của tội trộm cắp tài sản như quy định trong BLHS năm 2015 của Việt Nam hay không là những vấn đề gợi ra khi so sánh với BLHS các nước khác. Đương nhiên, khi quy định và hoàn thiện tội trộm cắp tài sản trong BLHS Việt Nam cần đòi hỏi thêm các yêu cầu khác sẽ được làm rõ ở Chương 3 của Luận văn.

Tiểu kết chương 1

Trong Chương 1 của Luận văn, tác giả đã nghiên cứu một số vấn đề lý luận và pháp luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản như: các khái niệm, dấu hiệu pháp lý, lịch sử hình thành phát triển quy định về tội trộm cắp tài sản trong pháp luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến nay, và pháp luật hình sự một số nước về tội trộm cắp tài sản. Qua nghiên cứu các nội dung này, tác giả đã đạt được một số kết quả như:

1. Xây dựng được khái niệm tội trộm cắp tài sản như sau: *Tội trộm cắp tài sản là hành vi nguy hiểm cho xã hội, lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, do người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện với lỗi cố ý.*

2. Phân tích được các dấu hiệu chung và dấu hiệu pháp lý của tội cắp tài sản. Từ đó, phân biệt được tội trộm cắp tài sản với một số tội phạm khác có dấu hiệu tương tự trong BLHS như: tội chiếm giữ trái phép tài sản; tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản; tội vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

3. Nghiên cứu được lược sử hình thành và phát triển của tội trộm cắp tài sản từ năm 1945 đến nay. Cụ thể là nghiên cứu quy định của tội trộm cắp tài sản trong luật hình sự Việt Nam theo trình tự về mặt thời gian: (1) Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến trước khi ban hành BLHS năm 1985; (2) trong BLHS năm 1985; (3) trong BLHS năm 1999; (4) trong BLHS năm 2015 qua đó chỉ rõ sự kế thừa và phát triển ngày càng hoàn thiện hơn quy định về tội trộm cắp tài sản trong pháp luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến nay.

4. Tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt trong quy định về tội trộm cắp tài sản trong BLHS Việt Nam với quy định tương ứng về tội trộm cắp tài sản trong BLHS một số nước như: Liên bang Nga, Cộng hòa Liên bang Đức, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Các kết quả nghiên cứu này có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, góp phần bổ sung lý luận về tội trộm cắp tài sản, giúp cho việc nhận thức và áp dụng quy định của BLHS đối với tội phạm này được chính xác và toàn diện hơn. Đồng thời, những kết quả nghiên cứu của Chương 1 là cơ sở để tác giả nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật và kiến nghị hoàn thiện quy định về tội trộm cắp tài sản trong Chương 3 của Luận văn.

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI TRỘM CẮP TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

2.1. Khái quát tình hình xét xử tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong những năm gần đây

Trong 5 năm từ năm 2013 đến năm 2017, Tòa án nhân dân các huyện thị (11 huyện thị) và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã xét xử rất nhiều vụ trộm cắp tài sản với nhiều bị cáo. Các số liệu thống kê của Văn phòng Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước từ năm 2013 đến năm 2017 cho chúng ta nhận biết bức tranh tổng thể về tình hình tội trộm cắp tài sản trong những năm gần đây:

Bảng 2.1. Số lượng số vụ và bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản bị đưa ra xét xử trong nhóm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2013 đến năm 2017

S T T	Loại tội phạm	2013		2014		2015		2016		2017	
		Số vụ	Bị cáo	Số vụ	Bị cáo	Số vụ	Bị cáo	Số vụ	bị cáo	Số vụ	bị cáo
1	Trộm cắp tài sản	325	569	306	477	329	352	287	443	292	438
2	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	38	46	25	26	41	43	30	34	24	26
3	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	50	67	45	50	38	50	30	36	36	44
4	Cưỡng đoạt tài sản	16	39	16	29	14	34	10	21	3	8

5	Cướp giật tài sản	18	34	18	34	8	18	16	31	14	18
6	Khác	68	185	64	158	55	305	52	298	36	64
	Tổng số	515	940	474	774	485	802	425	863	405	598

Nguồn: Văn phòng Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước

Bảng 2.2. Tỷ lệ tội trộm cắp tài sản trong nhóm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2013 đến 2017

S T T	Nhóm tội phạm	2013		2014		2015		2016		2017	
		Số	bị	Số	bị	Số	bị	Số	bị	Số	bị
		vụ	cáo	vụ	cáo	vụ	cáo	vụ	cáo	vụ	cáo
1	Trộm cắp tài sản	63.1 %	60.5 %	64.6 %	61.6 %	67.8 %	43.9 %	67.5 %	51.3 %	72.1 %	73.2 %
2	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	7.4 %	4.9 %	5.3 %	3.4 %	8.5 %	5.4 %	7.1 %	3.9 %	5.9 %	4.3 %
3	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	9.7 %	7.1 %	9.5 %	6.5 %	7.8 %	6.2 %	7.1 %	4.2 %	8.9 %	7.4 %
4	Cưỡng đoạt tài sản	3.1 %	4.1 %	3.4 %	3.7 %	2.9 %	4.2 %	2.4 %	2.4 %	0.7 %	1.3 %
5	Cướp giật tài sản	3.5 %	3.6 %	3.8 %	4.4 %	1.6 %	2.2 %	3.8 %	3.6 %	3.5 %	3.0 %
6	Khác	13.2 %	19.7 %	13.5 %	20.4 %	11.3 %	38.0 %	12.2 %	34.5 %	8.9 %	10.7 %

Nguồn: Văn phòng Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước

Bảng 2.3. Tỷ lệ tội phạm đã bị xét xử trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm 2013 đến năm 2017

S T T	Nhóm tội phạm	2013		2014		2015		2016		2017	
		Số vụ	Bị cáo	Số vụ	Bị cáo	Số vụ	Bị cáo	Số vụ	Bị cáo	Số vụ	Bị cáo
1	Xâm phạm sở hữu	45.5 %	38.3 %	42.4 %	35.2 %	48.8 %	45.6 %	46.8 %	44.0 %	49.7 %	44.4 %
2	Tính mạng sức khỏe	19.0 %	15.5 %	19.8 %	16.2 %	20.8 %	19.0 %	21.0 %	19.7 %	17.5 %	14.8 %
3	Trật tự xã hội	2.5%	3.2%	2.6%	2.8%	1.1%	0.8%	1.7%	3.5%	1.5%	1.0%
4	Ma túy	6.3%	4.0%	6.2%	3.9%	6.9%	4.9%	10.5 %	7.2%	12.0 %	9.8%
5	Khác	26.7 %	38.9 %	29.0 %	41.9 %	22.3 %	29.7 %	20.0 %	25.6 %	19.3 %	29.9 %

Nguồn: Văn phòng Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước

Qua nghiên cứu số liệu về tình hình xử lý hình sự về tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước, có thể rút ra một số nhận xét sau:

Thứ nhất, trên địa bàn tỉnh Bình Phước thì các tội xâm phạm sở hữu chiếm tỷ lệ cao nhất trong nhóm các tội phạm và tội trộm cắp tài sản chiếm tỷ lệ cao nhất trong nhóm các tội xâm phạm sở hữu. Như vậy, tội trộm cắp tài sản chiếm tỷ lệ cao nhất, phổ biến nhất trong các loại tội phạm bị đưa ra xét xử trong những năm gần đây trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Do đó, hoàn thiện các quy định và nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về tội trộm cắp tài sản có ý nghĩa thực tiễn quan trọng, là khâu trọng điểm trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội trộm

cấp tài sản nói riêng, qua đó giảm tỷ lệ tội phạm nói chung trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Thứ hai, tỷ lệ số vụ trộm cắp tài sản dao động trong biên độ từ 42% đến 49% so với tổng số các tội xâm phạm sở hữu, và số bị cao dao động trong khoảng từ 60% đến 73% so với tổng số các bị cáo bị đưa ra xét xử về các tội xâm phạm sở hữu, cho thấy số vụ phạm tội và số bị cáo luôn chiếm tỷ lệ cao và ổn định trong các tội xâm phạm sở hữu, thậm chí năm 2017 có xu hướng tăng nhẹ tỷ lệ các vụ án và số bị cáo bị đưa ra xét xử. Số liệu này cho thấy, các biện pháp phòng chống tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong những năm vừa qua chưa hiệu quả, đòi hỏi phải có sự thay đổi về quy định của pháp luật và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của BLHS về tội trộm cắp tài sản.

2.2. Định tội danh tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước

2.2.1. Khái quát lý luận định tội danh tội trộm cắp tài sản

2.2.1.1. Khái niệm và đặc điểm định tội danh tội trộm cắp tài sản

Để có thể đưa ra khái niệm định tội danh tội trộm cắp tài sản chúng ta cần phải kế thừa các kết quả nghiên cứu của khoa học luật hình sự về khái niệm định tội danh.

Theo GS.TS Võ Khánh Vinh thì: *“Định tội danh là việc xác định và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi phạm tội cụ thể đã được thực hiện với các dấu hiệu cấu thành tội phạm được quy định trong quy phạm pháp luật hình sự”* [66, tr. 9-10].

Điều 173 BLHS năm 2015 quy định về tội phạm có tên tội danh là: “Tội trộm cắp tài sản”, do đó dựa trên khái niệm định tội danh mà GS.TS Võ Khánh Vinh đã xây dựng, chúng ta có thể đưa ra khái niệm định tội danh tội trộm cắp tài sản như sau:

Định tội danh tội trộm cắp tài sản là việc xác định và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi phạm tội cụ thể đã được thực hiện với các dấu hiệu cấu thành tội phạm được quy định tại Điều 173 BLHS.

- Đặc điểm định tội danh tội trộm cắp tài sản

Định tội danh tội trộm cắp tài sản là một trường hợp định tội danh cụ thể, do đó nó có các đặc điểm của định tội danh: [66, tr.10]

Thứ nhất, định tội danh tội trộm cắp tài sản là một quá trình lô gích nhất định, là hoạt động xác nhận và ghi nhận sự phù hợp của trường hợp phạm tội cụ thể với các dấu hiệu của cấu thành tội trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 173 BLHS.

Thứ hai, định tội danh tội trộm cắp tài sản là việc đánh giá nhất định về mặt pháp lý đối với hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản nguy hiểm cho xã hội.

2.2.1.2. Các trường hợp định tội danh tội trộm cắp tài sản:

Tương ứng với các căn cứ phân loại khác nhau, việc định tội danh tội trộm cắp tài sản được phân chia thành các trường hợp khác nhau:

Thứ nhất, căn cứ vào các yếu tố cấu thành tội phạm cơ bản (tức là theo các dấu hiệu định tội quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015), định tội danh tội trộm cắp tài sản được chia thành định tội danh tội trộm cắp tài sản theo khách thể, mặt khách quan, chủ thể, mặt chủ quan.

Định tội danh tội trộm cắp tài sản theo khách thể của tội phạm là định tội danh theo quan hệ sở hữu mà hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản xâm hại.

Định tội danh tội trộm cắp tài sản theo mặt khách quan của tội phạm là định tội danh theo các dấu hiệu hành vi khách quan, hậu quả, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả được quy định tại Điều 173 BLHS năm 2015.

Định tội danh tội trộm cắp tài sản theo mặt chủ quan của tội phạm là định tội danh theo dấu hiệu lỗi cố ý trực tiếp của tội trộm cắp tài sản hoặc trong các trường hợp sai lầm.

Định tội danh tội trộm cắp tài sản theo chủ thể của tội phạm là định tội danh theo dấu hiệu chủ thể thường của tội trộm cắp tài sản.

Thứ hai, căn cứ vào cách phân loại cấu thành tội phạm theo mức độ nguy hiểm cho xã hội của cấu thành tội trộm cắp tài sản, định tội danh tội trộm cắp tài sản được chia thành định tội danh tội trộm cắp tài sản theo cấu thành tội phạm cơ bản (khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015) và định tội danh tội trộm cắp tài sản theo cấu

thành tội phạm tăng nặng (theo các khoản 2,3,4 Điều 173 BLHS năm 2015)

Thứ ba, căn cứ vào tính chất đặc biệt của tội phạm, định tội danh tội trộm cắp tài sản được chia thành định tội danh tội trộm cắp tài sản trong trường hợp hành vi phạm tội chưa hoàn thành, trong trường hợp đồng phạm, trong trường hợp có nhiều tội phạm.

Định tội danh tội trộm cắp tài sản trong trường hợp hành vi phạm tội chưa hoàn thành là định tội danh trong trường hợp chuẩn bị phạm tội trộm cắp tài sản và phạm tội chưa đạt trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 14 BLHS về chuẩn bị phạm tội thì chuẩn bị phạm tội trộm cắp tài sản không phải chịu TNHS, do đó, định tội danh tội trộm cắp tài sản trong trường hợp hành vi phạm tội chưa hoàn thành chỉ gồm trường hợp hành vi phạm tội chưa đạt.

Định tội danh tội trộm cắp tài sản trong trường hợp đồng phạm là trường hợp định tội danh trong trường hợp hai người trở lên cố ý cùng thực hiện tội phạm.

Định tội danh tội trộm cắp tài sản trong trường hợp có nhiều tội phạm là trường hợp định tội danh trong trường hợp người phạm tội có nhiều hành vi phạm tội nhưng trong đó có hành vi trộm cắp tài sản.

2.2.1.3. Ý nghĩa của việc định đúng tội danh – tội trộm cắp tài sản

Định tội danh đúng là tiền đề quan trọng trong việc thực hiện các nguyên tắc của luật hình sự như nguyên tắc pháp chế, công bằng, nhân đạo, phân hóa trách nhiệm hình sự, cá thể hóa trách nhiệm hình sự. Định tội danh đúng sẽ loại trừ việc kết án không có căn cứ đối với những hành vi không có hành vi nguy hiểm đáng kể cho xã hội, không trái pháp luật và là tiền đề pháp lý cho việc quyết định hình phạt công bằng đối với người phạm tội.

Định tội danh đúng còn là cơ sở cho việc áp dụng các hoạt động điều tra, truy tố và xét xử: áp dụng biện pháp ngăn chặn, thời hạn điều tra, truy tố và xét xử, thành phần Hội đồng xét xử.

Về mặt xã hội, định tội danh đúng là bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người dân cũng như thực hiện có hiệu quả chức năng bảo vệ xã hội của pháp luật hình sự.

Phước

cơ bản

2.2.2. *Thực tiễn định tội danh tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình*

2.2.2.1. Thực tiễn định tội danh tội trộm cắp tài sản theo cấu thành tội phạm
Cấu thành cơ bản của tội trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều

173 BLHS. Thực tiễn định tội danh tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong những năm vừa qua cho thấy đa số các tòa án đều định tội danh đúng theo các dấu hiệu của các yếu tố cấu thành tội phạm và điều này được thể hiện thông qua rất nhiều các vụ án về tội trộm cắp tài sản. Chẳng hạn:

Bản án số: 48/2016/HSST của TAND thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước ngày 24/11/2016

“Khoảng 21 giờ ngày 04/8/2016, sau khi chơi game tại điểm truy cập internet “Linh” - thuộc khu 1, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, Lê Sỹ Hiếu đi bộ về nhà ông Phấn trong Trung tâm thương mại Phước Long (Hiếu là người làm thuê cho ông Phấn).

Khi đi qua đoạn đường trước khu vực gom rác và nhà vệ sinh của Trung tâm thương mại - thuộc khu 3, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, Hiếu thấy nơi để xe của công nhân vệ sinh không có người trông giữ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Hiếu liền đi vào, đến bên xe mô tô hiệu Wave, biển kiểm soát 36H9 - 6922 của bà Lê Thị Lua (là nhân viên của đội công trình đô thị thị xã Phước Long) dựng tại đây, Hiếu dùng tay nâng yên xe, luồn tay còn lại vào bên trong cốp xe, lấy được 01 thẻ ATM có ghi mã thẻ là 5605, 02 nửa tờ giấy có ghi mã pin của ngân hàng Agribank và 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Lua. Sau khi lấy được thẻ, Hiếu đến cây ATM ở cổng ngân hàng Agribank, đưa thẻ vào, nhập mã thẻ và mã pin thì rút được tiền, Hiếu rút 03 lần: Lần thứ nhất và lần thứ hai Hiếu rút được mỗi lần 5.000.000 đồng, lần thứ ba Hiếu rút được 2.000.000 đồng.

Sau mỗi lần Hiếu rút tiền, hệ thống của Ngân hàng gửi tin nhắn báo số dư tài khoản vào điện thoại di động của bà Lua, bà Lua nghi có người lấy trộm thẻ ATM nên sau khi mở cốp xe để kiểm tra, thấy mất thẻ đã chạy đến cây ATM. Khi

Hiếu vừa trong cây ATM đi ra, bà Lua chạy lại bắt giữ Hiếu rồi cùng một số người khác dẫn Hiếu đến Công an phường Thác Mơ, thị xã Phước Long. Công an phường Thác Mơ tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, chuyển giao Hiếu cùng tang vật cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phước Long điều tra theo thẩm quyền. Tại cơ quan điều tra, Hiếu đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Đối với tài sản gồm 01 thẻ ATM, số tiền 12.000.000 đồng, 02 nửa tờ giấy của ngân hàng Agribank và 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Lua, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phước Long đã trả lại cho người bị hại Lê Thị Lua, bà Lua không có yêu cầu gì thêm. Sau khi bị cáo rút được số tiền 12.000.000 đồng thì trong thẻ ATM của chị Lua còn lại số tiền là 200.000 đồng. Như vậy tổng số tiền bị cáo chiếm của chị Lua là 12.200.000 đồng.”

Trong vụ án này, tòa án đã định tội danh là tội trộm cắp tài sản theo khách thể của tội phạm. Cụ thể, trong vụ án này hành vi chiếm đoạt tiền của Hiếu bằng cách rút số tiền 12.000.000 đồng thì trong thẻ ATM của chị Lua xâm phạm hai khách thể: xâm phạm sở hữu của chị Lua và an toàn thông tin. Nếu lựa chọn khách thể là an toàn thông tin thì hành vi của Hiếu có dấu hiệu của Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (Điều 226b BLHS năm 1999):

“1. Người nào sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện một trong những hành vi sau đây, thì bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng hoặc phạt tù từ một năm đến năm năm: a) Sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của cơ quan, tổ chức, cá nhân để chiếm đoạt hoặc làm giả thẻ ngân hàng nhằm chiếm đoạt tài sản của chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hoá, dịch vụ; b) Truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản; c) Lừa đảo trong thương mại điện tử, kinh doanh tiền tệ, huy động vốn tín dụng, mua bán và thanh toán cổ phiếu qua mạng nhằm chiếm đoạt tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân; d) Hành vi khác nhằm chiếm đoạt tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân.”

Cụ thể, hành vi chiếm đoạt tiền của Hiếu thỏa mãn dấu hiệu tại điểm a khoản

1 Điều 226b BLHS năm 1999 là “sử dụng thông tin về thẻ ngân hàng của cá nhân để chiếm đoạt tài sản”.

Như vậy, trong trường hợp này có sự cạnh tranh giữa hai khách thể: sở hữu của chị Lua (và tương ứng là định tội danh tội trộm cắp tài sản) và an toàn thông tin (tương ứng là Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản). Thực tế, trong vụ án này trước khi xét xử (khi BLHS năm 1999 còn hiệu lực) có nhiều tranh luận về định tội danh trong vụ án này, tuy nhiên Hội đồng xét xử đã quyết định: *“Tuyên bố bị cáo Lê Sỹ Hiếu phạm tội “Trộm cắp tài sản”.*”

Trong vụ án này, mặc dù hành vi của Hiếu có dấu hiệu của cả hai tội: tội trộm cắp tài sản và tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (Điều 226b BLHS năm 1999) nhưng chúng tôi đồng ý với việc định tội danh là tội trộm cắp tài sản trong vụ án này của Hội đồng xét xử bởi vì khách thể là quan hệ sở hữu mới thể hiện đầy đủ bản chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi chiếm đoạt của Hiếu so với khách thể là an toàn thông tin. Và vấn đề định tội danh theo khách thể của tội này đã được BLHS năm 2015 khắc phục bằng bổ sung trong cấu thành tội phạm cơ bản của Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (Điều 290 BLHS năm 2015) cụm từ *“nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này”*

“1. Người nào sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử thực hiện một trong những hành vi sau đây, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của cơ quan, tổ chức, cá nhân để chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ;

.....”

Các dấu hiệu định tội mới của tội trộm cắp tài sản theo quy định của BLHS năm 2015 trên thực tế cũng được các địa phương áp dụng trong quá trình xét xử. Chẳng hạn, dấu hiệu định tội “Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội” trong trường hợp trộm cắp tài sản dưới 2 triệu đồng cũng đã được áp dụng trên thực tế nhằm đấu tranh phòng ngừa có hiệu quả tình hình trộm cắp xảy ra trên địa bàn mà dư luận nhân dân bất bình, xã hội lên án. Một trường hợp điển hình là ở thôn 7 xã Long Hà, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước là địa phương có nhiều người đi đến nhiều địa phương khác trong các địa bàn lân cận và đến nhiều tỉnh thành khác để trộm cắp tài sản (nhất là trộm xe mô tô- gọi lóng là “đá nóng xe”), có người trộm cắp nhiều lần, tái phạm nhiều lần. Đa số tài sản bị chiếm đoạt có giá trị dưới 50 triệu đồng quy định ở khoản 1 Điều 173 BLHS, thậm chí có trường hợp dưới 2 triệu đồng nhưng tính chất rất phức tạp làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội của nhiều địa phương. Trên thực tế, có lúc bọn tội phạm trộm cắp tài sản đã treo khẩu hiệu *“Thanh niên thôn 7 Long Hà không đi trộm cắp không phải là thanh niên”*, mỗi lần Tòa án các huyện thị xét xử tại trụ sở Tòa án hay xét xử lưu động thì những đối tượng khác (chuyên đi trộm cắp) đều đến xem, dự phiên tòa rất đông, chúng nắm bắt tình hình, quy định của pháp luật và tình kẻ hở của pháp luật để đối phó. Có khi chúng dở thủ đoạn trộm cắp xong rồi điện thoại cho người nhà chuộc lại xe với giá rẻ, cho nên có thời gian trò chơi trên VTV3 chương trình *“Ai là triệu phú”* có đặt câu hỏi : Địa phương nào có người đi trộm cắp xe máy nhiều nhất cả nước? Đáp án : là xã Long Hà, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (ngoài ra còn có nhiều đối tượng ở các xã như Long Bình, Long Tân, Long Hưng, Bù Nho cũng chuyên đi trộm cắp tài sản của người khác nhất trộm cắp xe gắn máy). Do đó, các cơ quan đơn vị các cấp trong cả tỉnh đã có nhiều giải pháp để phòng ngừa và đấu tranh chống loại tội phạm này, đặc biệt là Công an tỉnh Bình Phước đã lập nhiều chuyên án để triệt phá băng nhóm và các đối tượng trộm cắp khác. Tòa án nhân dân tỉnh và cấp ủy các huyện thị trong tỉnh cũng đã có văn bản chỉ đạo xử lý nghiêm các vụ án trộm cắp tài sản trên địa bàn, kể cả trong trường hợp trộm cắp tài sản dưới 2 triệu đồng nhưng có tình tiết “Gây ảnh hưởng xấu đến an

ninh, trật tự, an toàn xã hội”. Trước đây còn đưa ra xét xử lưu động nhiều vụ án trộm cắp tài sản, dùng pano áp phích về phòng chống tội phạm, tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng v.v...

2.2.2.2. Thực tiễn định tội danh tội trộm cắp tài sản theo cấu thành tội phạm tăng nặng trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Định tội danh tội cắp tài sản theo cấu thành tội phạm tăng nặng là hoạt động định tội danh hành vi phạm tội trộm cắp tài sản theo khoản 2,3,4 Điều 173 BLHS năm 2015.

Thực tiễn định tội danh tội cắp tài sản theo cấu thành tội phạm tăng nặng đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong những năm vừa qua cho thấy đa số các tòa án đều định tội danh đúng theo các khoản được quy định trong tội trộm cắp tài sản và điều này được thể hiện thông qua rất nhiều các vụ án về tội trộm cắp tài sản. Chẳng hạn: Bản án số: 25/2017/HSST của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước ngày 15/6/2017 có nội dung:

Trần Công Bằng là người làm thuê cho xưởng điều “Minh Loan” – thuộc khu 8, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; công việc hàng ngày của Bằng là sấy hạt điều và điều khiển xe nâng để chuyển hạt điều nhân từ khu cắt tách sang khu sấy trong xưởng. Lợi dụng sơ hở trong khâu quản lý, vào các ngày 02, 03/11/2016, Bằng đã thực hiện 02 vụ trộm cắp hạt điều nhân của xưởng. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Ngày 02/11/2016, Bằng điều khiển xe nâng chở 14 bao hạt điều nhân (trọng lượng 831kg) từ khu cắt tách ra khỏi xưởng điều “Minh Loan”, Bằng gọi điện thoại cho Đặng Thiên Vũ với nội dung cho Bằng gửi nhờ lô hàng thì Vũ đồng ý. Vì vậy, Bằng chở số hạt điều trên đến gửi ở sân nhà Vũ – thuộc khu 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long.

Sau đó, Bằng gọi điện thoại cho bạn của Bằng là Hồ Minh Út kêu Út mang số hạt điều trên đi bán, nhưng lúc này Út đã về quê (xã Long Điền Đông, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu), Út nói sẽ gọi ba gác chở số điều trên ra Trung tâm

thương mại phường Long Phước còn Bằng tìm người đi bán. Vì vậy, Bằng gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn Giang là anh rể của Bằng với nội dung nhờ anh Giang đi bán giùm hạt điều cho người bạn, thì anh Giang đồng ý. Sau khi gặp Bằng ở khu vực Trung tâm thương mại phường Long Phước, anh Giang dẫn xe ba gác chở hạt điều nhân vào thôn Phước Yên, xã Phước Tín, thị xã Phước Long bán cho chị Huỳnh Thanh Phương với số tiền 116.340.000 đồng. Sau khi mua hạt điều do anh Giang bán, chị Phương đã bán lại cho khách hàng.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, anh Giang đưa tất cả số tiền 116.340.000 đồng cho Bằng. Sau khi lấy tiền, Bằng cho anh Giang 500.000 đồng và đưa anh Giang số tiền 25.000.000 đồng nhờ anh Giang trả cho đối tượng Hải vì trước đó Bằng có vay tiền của Hải.

Đến tối cùng ngày, Bằng đến điểm truy cập internet gần nhà Vũ, Bằng cho Vũ 2.000.000 đồng, số tiền này Vũ đã tiêu xài cá nhân. Bằng trả nợ và tiêu xài cá nhân hết Số tiền còn lại.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 01 ngày 08/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Phước Long thì giá trị của 831kg hạt điều nhân sống loại A tại thời điểm ngày 02/11/2016 là 156.228.000 đồng.

Vụ thứ hai:

Khoảng 13 giờ ngày 03/11/2016, Bằng điều khiển xe nâng chở 14 bao hạt điều nhân (trọng lượng 915,38kg) từ khu cắt tách đến khu sấy (có anh Nguyễn Minh Thuận và anh Nguyễn Văn Tân là người làm thuê của xưởng cùng bốc các bao hạt điều lên xe). Sau đó, Bằng quay lại, tiếp tục cùng anh Thuận, anh Tân bốc 14 bao hạt điều nhân lên xe nâng. Nhưng lần này, Bằng không chở hạt điều đến lò sấy mà chở đến gửi sân nhà Vũ.

Đến khoảng 14 giờ, chị Loan xem camera quan sát thấy Bằng chở hạt điều nhân đi ra khỏi cổng, thấy nghi ngờ nên chị Loan liền đuổi theo thì phát hiện Bằng giấu số điều trên ở sân nhà Vũ. Chị Loan quay về xưởng, đợi Bằng về thì trình báo sự việc với Công an.

Cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Phước Long bắt khẩn cấp đối với

Bằng và thu giữ số hạt điều nhân mà Bằng chiếm đoạt.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 41 ngày 14/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Phước Long thì giá trị của 915,38kg hạt điều nhân sống loại A tại thời điểm ngày 03/11/2016 là 175.752.960 đồng.

Trong vụ án này, Tòa án nhân dân thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước tại Bản án số: 25/2017/HSST ngày 15/6/2017 dựa vào tổng tài sản chiếm đoạt làm cơ sở để định khung hình phạt tội trộm cắp tài sản với nhận định: “*Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt trong hai lần là 156.228.000 đồng + 175.752.960 đồng = 331.980.960 đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long truy tố bị cáo Trần Công Bằng về Tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.*” và:

“1. Tuyên bố bị cáo Trần Công Bằng phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm p, b khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 45, Điều 33, Điều 47 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Công Bằng 05 (Năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/11/2016.”

2.2.2.3. Thực tiễn định tội danh tội trộm cắp tài sản trong trường hợp đặc biệt Định tội danh tội trộm cắp tài sản trong các trường hợp đặc biệt như trên đã

nêu gồm các trường hợp định tội danh tội trộm cắp tài sản trong trường hợp phạm tội chưa đạt, trong trường hợp đồng phạm và trong trường hợp có nhiều tội phạm.

Thực tiễn định tội danh tội trộm cắp tài sản trong trường hợp đặc biệt cho thấy các tòa án đa số điều thực hiện đúng các quy định của BLHS về phạm tội chưa đạt, đồng phạm, nhiều tội phạm. Có thể nêu một ví dụ về định tội danh tội trộm cắp tài sản trường hợp đặc biệt như sau:

** Định tội danh tội trộm cắp tài sản trong trường hợp phạm tội chưa đạt*

Bản án số: 11/2016/HSST của TAND thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước ngày 29/3/2016:

Khoảng 07 giờ ngày 08 tháng 11 năm 2015, trong khi đang ở nhà của mình tại thôn Cây Da, xã Phú Văn, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước thì Nguyễn Trường Giang, sinh năm 1991 nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của người khác

nhằm mục đích kiếm tiền tiêu xài. Thực hiện ý định trên, Giang lấy một thanh kim loại màu trắng Inox dài 8,5cm, rộng 0,5cm có một đầu nhọn do Giang tự chế tạo từ cây nhíp nhỏ râu bỏ vào túi. Sau đó điều khiển xe mô tô hiệu Tender màu đỏ đen, biển kiểm soát 61E1-102.00 ra thị xã Phước Long. Khi ra đến khu phố 4, phường Long Thủy, thị xã Phước Long Giang thuê nhà nghỉ “Gia Bảo” để nghỉ và gửi xe tại đây. Đến khoảng 11 giờ, Giang một mình đi bộ từ nhà nghỉ Gia Bảo về hướng sân vận động thị xã Phước Long để tìm xe mô tô nào sơ hở trộm cắp. Đến khu phố 3, phường Long Thủy, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước Giang phát hiện trước quán cà phê của bà Dương Thị Ngọc Tuyết có 01 xe mô tô Honda loại Honda Air Blade màu trắng xám, biển kiểm soát 93K1-090.60 của anh Trương Bửu Định, sinh năm 1992 (con của bà Tuyết) đang dựng trên vỉa hè xe không khóa cổ, không khóa nắp. Giang liền đến đứng sát bên trái của xe mô tô nêu trên rồi lấy thanh kim loại mang theo sẵn trong túi áo khoác ra dùng tay đút vào ổ khóa điện để phá hỏng ổ khóa xe. Trong khi Giang đang phá ổ khóa xe thì bị bà Dương Thị Ngọc Tuyết phát hiện và truy hô nên Giang liền bỏ chạy. Chạy được khoảng 100m thì Giang bị anh Lê Vũ Hùng; anh Nguyễn Văn Trung bắt giữ Giang cùng với thanh kim loại Giang dùng để phá ổ khóa xe.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 51/HĐĐGTSTTTHS ngày 16/11/2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Phước Long kết luận giá trị của 01 xe mô tô Honda Air Blade màu trắng xám, biển kiểm soát 93K1 – 090.60 là: 35.275.000 đồng.

Trong vụ án này, tòa án đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về định tội danh tội trộm cắp tài sản (và quyết định hình phạt) trong trường hợp phạm tội chưa đạt thể hiện trong phần nhận định và quyết định của bản án. Cụ thể, bản án nhận định:

“Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và mong muốn chiếm đoạt được chiếc xe, việc chưa chiếm đoạt được chiếc xe là do bị người khác phát hiện và kịp thời ngăn chặn, nằm ngoài ý muốn của bị cáo, đây là trường hợp “phạm tội chưa đạt” được quy định tại điều 18 Bộ luật hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết

luận hành vi của Nguyễn Trường Giang đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự.”

và Phần quyết định với các quy định liên quan đến phạm tội chưa đạt tại Điều 18, 52 BLHS năm 1999.

“1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trường Giang phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, các điều 18, 45, 33, các khoản 1 và khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường Giang 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/11/2015.”

** Định tội danh tội trộm cắp tài sản trong trường hợp đồng phạm và nhiều (đa) tội phạm*

Bản án số: 67/2015/HSST Tòa án nhân dân thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước ngày 21/07/2015 có nội dung về vụ án trộm cắp tài sản như sau:

“Vào đầu tháng 3 năm 2015 Đỗ Trọng Tuấn biết được tại đoạn đường dốc 230 thuộc khu phố 4, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long có nhiều xe tải chở hạt điều đi qua, chạy với tốc độ chậm, do Tuấn đã nảy sinh ý định treo lên thùng các xe tải này lấy trộm hạt điều mang bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định này Tuấn đã nhiều lần rủ đồng phạm cùng tham gia trộm cắp hạt điều”

Tại bản án này, Tòa án dựa trên các quy định của pháp luật hình sự đã định tội danh tội trộm cắp tài sản trong trường hợp đặc biệt đối với các bị cáo, cụ thể là:

- Thứ nhất, Tòa án đã định tội danh tội trộm cắp tài sản trong trường hợp đồng phạm đối với các bị cáo với nhận định trong bản án *“Đây là vụ án do các bị cáo cùng thực hiện tội phạm, bị cáo Tuấn và bị cáo Hùng tuy có bàn bạc nhau từ trước về việc lấy trộm điều và có chuẩn bị công cụ để đi phạm tội, nhưng việc rủ nhau đi là mang tính nhất thời, bộc phát, nên đây chỉ là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, cần phân tích vai trò của từng bị cáo trong vụ án để xử mức án phù hợp.”*

Và bản án đã quyết định *“Tuyên bố các bị cáo Đỗ Trọng Tuấn, Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Văn Hùng và Nguyễn Quốc Cường phạm tội “Trộm cắp tài sản”. ”*

- Thứ hai, định tội danh tội trộm cắp tài sản trong trường hợp nhiều tội phạm, cụ thể trong vụ án này là định tội danh tội trộm cắp tài sản trong trường hợp phạm tội nhiều lần, tái phạm đối với các bị cáo trong bản án:

+ “Đối với bị cáo Đỗ Trọng Tuấn là người khởi xướng và rủ bị cáo Hùng, Tuấn Anh, nhờ Hùng rủ Cường thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo cũng là người thực hành tội phạm tích cực nhất trong các lần lấy trộm điều thông qua việc bị cáo trực tiếp leo lên các xe tải để hốt điều, nên hành vi của bị cáo là nguy hiểm nhất. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cao hơn các bị cáo khác... Do bị cáo cùng đồng phạm thực hiện 03 vụ và cả 03 lần trộm đều có giá trị trên mức để truy cứu trách nhiệm hình sự, nên các bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần, được quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự.”

+ “Đối với bị cáo Nguyễn Văn Hùng tuy không phải là người khởi xướng trong vụ án nhưng mỗi lần khi nghe Tuấn gọi đi lấy trộm điều Hùng không ngăn cản mà hưởng ứng một cách tích cực. Do bị cáo cùng đồng phạm thực hiện 03 vụ và cả 03 lần trộm đều có giá trị trên mức để truy cứu trách nhiệm hình sự, mặt khác vào năm 2010 bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xử phạt 04 năm tù về tội Cướp tài sản chưa được xóa tích. Vì vậy bị cáo phải chịu hai tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” và “phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự.

+ “Đối với Nguyễn Tuấn Anh là người thực hành chính trọng vụ án. Do bị cáo cùng đồng phạm thực hiện 03 vụ và cả 03 lần trộm đều có giá trị trên mức để truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự.”

+ “Đối với bị cáo Nguyễn Quốc Cường là người thực hành chính trong vụ án. Do bị cáo cùng đồng phạm thực hiện 02 vụ và cả 02 lần trộm đều có giá trị trên mức để truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự.”

2.2.2.4. Một số vướng mắc trong thực tiễn định tội danh tội trộm cắp tài sản Thực tiễn định tội danh tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước

trong những năm gần đây cho thấy có một số vướng mắc nảy sinh cần giải quyết:

Thứ nhất, về các dấu hiệu định tội “tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ” hoặc “tài sản là di vật, cổ vật” trong trường hợp trộm cắp tài sản dưới 2 triệu đồng

Điều 173 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã quy định một số trường hợp trường hợp trộm cắp tài sản dưới 2 triệu đồng nhưng có thêm các dấu hiệu “tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ” hoặc “tài sản là di vật, cổ vật”. Việc quy định các dấu hiệu này làm dấu hiệu định tội trên thực tiễn có thể dẫn đến tùy tiện khi áp dụng, bởi vì trong trường hợp này hành vi trộm cắp tài sản có giá trị dưới 2 triệu đồng của một người sẽ bị coi là có tội hay không lại không phụ thuộc vào ý thức chủ quan của họ (lỗi của họ) mà phụ thuộc vào một yếu tố rất ngẫu nhiên là do “tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ” hoặc “tài sản là di vật, cổ vật”. Mặt khác, nó sẽ dẫn đến việc tranh cãi liên miên để xem xét là có tội hay không có tội khi xác định một tài sản nào đó có phải là “là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ” hay không hoặc tài sản nào đó có phải là “di vật, cổ vật” hay không?.

Đối với người tiến hành tố tụng khi xử lý các trường hợp trộm cắp tài sản dưới 2 triệu đồng thay vì nhanh chóng ra quyết định xử lý hành chính như hiện nay thì phải buộc kiểm tra xem tài sản đó có phải là “tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ” hoặc “tài sản là di vật, cổ vật” hay không?. Điều này gây áp lực thêm về mặt thời gian tố tụng cũng như rủi ro nghề nghiệp cho những người tiến hành tố tụng. Hoặc trong trường hợp người phạm tội sai lầm hoặc không thể nào biết “tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ” hoặc “tài sản là di vật, cổ vật” thì xử lý ra sao?

Tham khảo quy định của pháp luật hình sự các nước về tội trộm cắp tài sản tại Chương 1, chúng tôi nhận thấy không có BLHS nước nào quy định tương tự như BLHS Việt Nam. Về mặt lý luận, điều này đặt ra câu hỏi khách thể chính của tội

trộm cắp tài sản là quyền sở hữu hay khách thể khác khi quy định bổ sung các dấu hiệu này?

Thứ hai, việc không mô tả cụ thể hành vi khách quan của tội trộm cắp tài sản có thể dẫn đến nhầm lẫn trong việc định tội danh

Như đã phân tích ở trên, thực tiễn xét xử vụ án hình sự tại Bản án số: 48/2016/HSST của TAND thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước ngày 24/11/2016 mà trong vụ án này hành vi chiếm đoạt tiền của Hiếu bằng cách rút số tiền 12.000.000 đồng thì trong thẻ ATM của chị Lua có dấu hiệu của cả hai tội: tội trộm cắp tài sản và tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (Điều 226b BLHS năm 1999) dẫn đến việc có nhiều ý kiến khác nhau về định tội danh.

Việc có các ý kiến khác nhau về tội danh trong vụ án này do có nhiều nguyên nhân, nhưng theo tôi, một trong những nguyên nhân trong đó là nhà làm luật chưa mô tả cụ thể trong luật thể nào là hành vi trộm cắp tài sản để phân biệt với các tội phạm khác trong BLHS. Do đó, trong trường hợp vụ án có nhiều dấu hiệu đan xen giữa các tội dễ dẫn đến việc không thống nhất trong việc định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản.

Thứ ba, vướng mắc trong việc định tội danh đối với trường hợp trộm cắp tài sản có thủ đoạn xâm phạm chỗ ở của người khác.

Khảo sát nội dung một số vụ án trộm cắp tài sản mà có thủ đoạn đột nhập vào nhà người khác đã đặt ra vấn đề liên quan đến định tội danh trong trường hợp này. Chúng ta có thể xem xét trường hợp phạm tội trộm cắp tài sản tại Bản án số: 09/2018/HS-ST của TAND thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước ngày 18 tháng 01 năm 2018 có nội dung như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 07/01/2017, Nguyễn Văn Tạo đi bộ đến khu phố 3, phường Phước Bình, thị xã Phước Long với mục đích xem ai để tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khi đến đây nhà trọ ông Phan Tấn Hiên thì phát hiện thấy cổng không khóa, Tạo dùng cây cờ lê uốn sắt bẻ khóa phòng trọ thứ hai của chị Nguyễn Ngọc Quỳnh lấy trộm 300.000 đồng và 05 giỏ xách và lấy trộm của chị Nguyễn Hồng

Phương 01 máy tính xách tay hiệu ASUS A42F. Khi vừa ra khỏi nhà trọ Tạo bị lực lượng Công an phường Phước Bình bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số tài sản Tạo chiếm đoạt được. Tại cơ quan Công an, Nguyễn Văn Tạo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 31/HĐ. ĐGTSTTTHS ngày 23/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Phước Long kết luận: 01 máy tính xách tay hiệu ASUS A42F trị giá 6.528.000 đồng (Sáu triệu năm trăm hai mươi tám ngàn đồng); 05 túi xách nữ giá trị 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng giá trị tài sản là 7.578.000 đồng (Bảy triệu năm trăm bảy mươi tám ngàn đồng).

Trong vụ án này, Tòa án tuyên án Tạo phạm tội trộm cắp tài sản không có gì phải tranh luận. Từ trước đến nay, những trường hợp này chúng ta đều xử lý hình sự về tội trộm cắp tài sản, tuy nhiên về mặt lý luận, ngoài việc có hành vi trộm cắp tài sản thì Tạo đã thực hiện trộm cắp tài sản với thủ đoạn vào chỗ ở người khác một cách trái pháp luật mà hành vi (thủ đoạn) này lại có dấu hiệu của tội xâm phạm chỗ ở người khác (Điều 158 BLHS năm 2015), do đó có xử thêm Tạo về tội xâm phạm chỗ ở của người khác hay không? Trong quy định về tội trộm cắp tài sản (Điều 173 BLHS năm 2015) đều không quy định dấu hiệu “xâm phạm chỗ ở của người khác” làm dấu hiệu định khung tăng nặng. Chúng tôi cho rằng, các cơ quan chức năng cần nghiên cứu để đưa ra hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự đối với trường hợp này hoặc sửa đổi, bổ sung quy định về tội trộm cắp tài sản trong BLHS năm 2015.

Thứ tư, vướng mắc khi định tội danh theo dấu hiệu định khung hình phạt “hành hung để tẩu thoát” (điểm đ khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015)

Thực tiễn định tội danh theo cấu thành tội phạm tăng nặng của tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước nảy sinh vướng mắc khi áp dụng dấu hiệu định khung hình phạt “hành hung để tẩu thoát” (điểm đ khoản 2 Điều 173 BLHS). Có thể nêu một ví dụ về định tội danh theo dấu hiệu này như sau:

Bản án số: 45/2016/HSST của TAND Huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước ngày 30/08/2016:

“Khoảng 19 giờ ngày 17/02/2016, tại đập nước thuộc ấp Long Bình, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản; Lê Thành Trung rủ Lê Trung Sơn và Ngô Xuân Tư vào nhà anh Trần Đình Tho ngụ tại tổ 2, ấp 2, xã Tân Quan để trộm cắp tài sản, Sơn và Tư đồng ý. Sau đó, Tư điều khiển xe mô tô biển số 93T8-9464 chở Trung và Sơn đi đến gần nhà anh Tho. Lúc này, Trung và Sơn xuống xe đi bộ vào nhà anh Tho; còn Tư điều khiển xe mô tô đến khu vực lô cao su đứng chờ. Trung và Sơn đi vòng ra sau nhà anh Tho để tìm bắt trộm gà nhưng không có nên Trung và Sơn đi lên cửa chính nhà anh Tho; lúc này, Sơn đứng canh giới còn Trung cầm mỏ lết bẻ gãy khoen sắt cửa nhà, rồi cả hai đi vào bên trong nhà lục tìm tài sản. Do trời tối, Sơn lấy điện thoại di động Iphone 4 của Sơn để soi sáng cho Trung tìm tài sản, soi được một lúc điện thoại hết pin, tắt nguồn. Sơn đi lại phòng ngủ tìm thấy có 01 cây đèn pin, Sơn cầm đèn pin bật đèn chiếu sáng và tiếp tục cùng Trung lục tìm tài sản. Khi này, anh Tho điều khiển xe mô tô biển số 93N3- 7105 đi về đến nhà. Thấy vậy Trung và Sơn đứng núp sau cánh cửa chính nhà anh Tho, Trung lấy trong túi quần dài bên phải một súng bắn điện loại 80KV, nhằm mục đích tấn công anh Tho nếu bị anh Tho phát hiện. Khi mở cửa ra anh Tho phát hiện khoen cửa bị gãy và đẩy cửa vào bên trong nhà. Anh Tho bật công tắc đèn điện và thấy Trung và Sơn đứng núp sau cánh cửa, Trung liền dùng tay phải cầm súng bắn điện chỉ về phía anh Tho bấm nút công tắc để súng điện phát ra các tia lửa điện và tiếng nổ kêu “tạch tạch”. Anh Tho hoảng sợ và bỏ chạy vào trong nhà; Trung và Sơn chạy ra ngoài, Trung chạy ra ngoài cổng, còn Sơn chạy lại chiếm đoạt xe mô tô biển số 93N3- 7105 của anh Tho rồi điều khiển xe chạy ra cổng. Anh Tho đuổi theo thì bị Trung dùng súng điện tấn công anh Tho. Bị tấn công, anh Tho bỏ chạy vào nhà; còn Trung và Sơn chiếm đoạt xe mô tô rồi nhanh chóng tẩu thoát.”

Trong vụ án này, khi xét xử có nhiều ý kiến khác nhau về định tội danh đối với hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thành Trung và Lê Trung Sơn: (1) Ý kiến thứ nhất cho rằng, hành vi của Trung và Sơn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng do chưa chiếm đoạt được tài sản rồi sau đó mới dùng vũ lực nên phải áp dụng dấu hiệu “hành hung để tẩu thoát” trong tội trộm cắp tài sản; (2) Ý kiến thứ hai cho

rằng, dù lúc đầu Trung và Sơn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng khi bị phát hiện đã đe dọa dùng vũ lực nên đã chuyển hóa sang tội cướp tài sản. Nguyên nhân của các cách hiểu khác nhau trong vụ án này xuất phát từ cách hiểu chưa thống nhất trong hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP về dấu hiệu “hành hung để tẩu thoát” trong tội trộm cắp tài sản. Cụ thể, văn bản này hướng dẫn:

Khi áp dụng tình tiết "hành hung để tẩu thoát" (điểm đ khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 2 Điều 137; điểm đ khoản 2 Điều 138 BLHS) cần chú ý:

6.1. Phạm tội thuộc trường hợp "hành hung để tẩu thoát" là trường hợp mà người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng bị phát hiện và bị bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ thì đã có những hành vi chống trả lại người bắt giữ hoặc người bao vây bắt giữ như đánh, chém, bắn, xô ngã... nhằm tẩu thoát.

6.2. Nếu người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng đã bị người bị hại hoặc người khác giành lại, mà người phạm tội tiếp tục dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công người bị hại hoặc người khác nhằm chiếm đoạt cho được tài sản, thì trường hợp này không phải là "hành hung để tẩu thoát" mà đã có đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội cướp tài sản.

Quy định tại tiểu mục 6.2 mục 6 Phần I Thông tư liên tịch số 02/2001 “người phạm đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng đã bị người bị hại hoặc người khác giành lại, mà người phạm tội tiếp tục dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công người bị hại hoặc người khác nhằm chiếm đoạt cho được tài sản” thì mới chuyển hóa sang tội cướp tài sản. Trên thực tế, quy định này dẫn đến hiểu nhầm rằng nếu người bị hại hoặc người khác chỉ đuổi theo chưa kịp giành lại tài sản mà người phạm tội dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công người bị hại hoặc người khác để giữ bằng được tài sản chiếm đoạt (và có thể cả để tẩu thoát) thì không cấu thành tội cướp tài sản. Điều này trái với quy định của tội cướp tài sản là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản.

Bên cạnh đó, hiện nay trong trường hợp trộm cắp tài sản mà có tình tiết “hành hung để tẩu thoát” nhưng việc hành hung đó gây thương tích đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích (Điều 134 BLHS) thì xử lý về cả 2 tội (tội trộm cắp tài sản và tội cố ý gây thương tích) hay chỉ xử lý về tội trộm cắp tài sản mà thôi với tình tiết định khung “hành hung để tẩu thoát”? Trong trường hợp xử về cả hai tội trộm cắp tài sản và cố ý gây thương tích thì ở tội trộm cắp tài sản có áp dụng thêm tình tiết định khung “hành hung để tẩu thoát” nữa hay không?

Chúng tôi cho rằng các cơ quan chức năng tiếp tục có văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật về những tình tiết “hành hung để tẩu thoát” là có ý nghĩa quan trọng trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự.

2.3. Quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước

2.3.1. Khái quát lý luận quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Trong khoa học luật hình sự hiện nay, khái niệm quyết định hình phạt có thể được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau: [50, tr. 256]

Quyết định hình phạt theo nghĩa hẹp là quyết định hình phạt chính và hình phạt bổ sung. Quyết định hình phạt theo nghĩa rộng là quyết định hình phạt chính, quyết định hình phạt bổ sung, quyết định biện pháp chấp hành hình phạt (như quyết định cho hưởng án treo) và quyết định các biện pháp tư pháp. Quyết định hình phạt cũng có thể được hiểu theo nghĩa rộng hơn nữa là quyết định biện pháp xử lý đối với người phạm tội, pháp nhân thương mại phạm tội (bao gồm cả quyết định miễn hình phạt hoặc quyết định hình phạt theo các nghĩa trên). Tuy nhiên, khái niệm quyết định hình phạt theo nghĩa hẹp thường được đa số các tác giả ghi nhận trong các sách, báo pháp lý. [50, tr. 255] [53, tr. 317] [11, tr. 161]

Trên cơ sở đó, chúng ta có thể đưa ra khái niệm về quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản như sau:

Quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản là việc Tòa án lựa chọn loại hình phạt với mức hình phạt cụ thể trong phạm vi luật định để áp dụng đối với người phạm tội trộm cắp tài sản.

* Các căn cứ quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản:

Khoản 1 Điều 50 BLHS quy định về căn cứ quyết định hình phạt đối với người phạm tội như sau: *"Khi quyết định hình phạt, tòa án căn cứ vào quy định của BLHS, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS"*. Như vậy, theo quy định này, các căn cứ quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản bao gồm :

- *Căn cứ thứ nhất, các quy định của BLHS, bao gồm:*

Các quy định ở Phần chung của BLHS khi quyết định hình phạt gồm: Quy định về nguyên tắc xử lý (Điều 3 BLHS); các quy định liên quan đến hình phạt như: mục đích hình phạt, nội dung, phạm vi, điều kiện của các loại hình phạt (từ Điều 30 đến Điều 45 BLHS); các quy định về căn cứ quyết định hình phạt (Điều 50 BLHS), về quyết định hình phạt trong các trường hợp cụ thể (Điều 54 đến Điều 58 BLHS); các tình tiết giảm nhẹ (Điều 51 BLHS) và tăng nặng TNHS (Điều 52 BLHS), về tái phạm, tái phạm nguy hiểm (Điều 53 BLHS); về án treo (Điều 65 BLHS); các quy định ở Chương XII Phần chung BLHS có tính nguyên tắc chung cho việc quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Căn cứ vào các quy định ở Phần các tội phạm của BLHS khi quyết định hình phạt là quy định về khung hình phạt chính và hình phạt bổ sung của tội trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 173 BLHS.

- *Căn cứ thứ hai: tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.*

Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội trộm cắp tài sản phụ thuộc vào các yếu tố sau: tầm quan trọng của quan hệ sở hữu được luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại; tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi trộm cắp tài sản đã thực hiện; mức độ nghiêm trọng của hậu quả do tội trộm cắp tài sản gây ra; thủ đoạn và phương pháp thực hiện tội trộm cắp tài sản; mức độ lỗi cố ý; động cơ, mục đích của người có hành vi phạm tội trộm cắp tài sản; hoàn cảnh kinh tế, chính trị, xã hội lúc và nơi hành vi phạm tội trộm cắp tài sản xảy ra; các tình tiết về nhân thân có

ảnh hưởng đến mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS có ảnh hưởng đến mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội trộm cắp tài sản ...

- Căn cứ thứ ba: nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản

Nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản được hiểu là tổng hợp những đặc điểm riêng biệt của người phạm tội có ý nghĩa đối với việc giải quyết đúng đắn vấn đề TNHS của họ.

Nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản được coi là căn cứ để quyết định hình phạt nhằm đạt được mục đích của hình phạt là trừng trị, giáo dục, cải tạo người phạm tội và ngăn ngừa họ phạm tội mới.

- Căn cứ thứ tư: các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS.

Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự (TNHS) là những tình tiết không có ý nghĩa về mặt định tội, định khung hình phạt mà chỉ có tác dụng làm tăng hoặc giảm mức độ TNHS trong phạm vi một khung hình phạt nhất định.

Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS không được quy định trong các điều khoản của Phần các tội phạm như các tình tiết định tội, định khung hình phạt mà được quy định riêng tại Điều 51 và Điều 52 BLHS.

Đây là những căn cứ chung, có tính chất bắt buộc trong mọi trường hợp đối với tòa án khi quyết định hình phạt. Các căn cứ này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nhưng đều có tính độc lập tương đối.

** Phân loại các trường hợp quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản*

- Căn cứ vào loại cấu thành tội phạm trộm cắp tài sản tương ứng, quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản được chia thành quyết định hình phạt theo cấu thành tội phạm cơ bản của tội trộm cắp tài sản (khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015) và quyết định hình phạt theo các cấu thành tội phạm tăng nặng (các khoản 2,3,4 Điều 173 BLHS năm 2015).

- Căn cứ vào tính chất đặc biệt của quyết định hình phạt, quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản được chia thành: quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng (Điều 54 BLHS năm 2015), quyết định

hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội (Điều 55 BLHS năm 2015), quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội chưa đạt (Điều 57 BLHS), quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm (Điều 58 BLHS).

** Ý nghĩa quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản*

Quyết định hình phạt nói chung và quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản nói riêng là hoạt động có ý nghĩa quan trọng để có thể đạt được mục đích của hình phạt. Mục đích phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung của hình phạt có đạt được hay không và đạt được ở mức độ nào phụ thuộc rất nhiều vào việc quyết định hình phạt. Có nhiều yếu tố khác ảnh hưởng đến việc đạt được mục đích của hình phạt như: xây dựng pháp luật hình sự, chấp hành hình phạt, ý thức pháp luật... nhưng yếu tố quyết định hình phạt giữ vai trò quan trọng hàng đầu, các yếu tố nói trên chỉ phát huy tác dụng đầy đủ khi Tòa án quyết định hình phạt đúng đắn.

2.3.2. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong những năm gần đây

Về cơ bản, các Tòa án nhân dân trên địa bàn tỉnh Bình Phước đều áp dụng đúng các quy định của BLHS về quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản trong các trường hợp như: theo cấu thành cơ bản của tội trộm cắp tài sản, theo các cấu thành tăng nặng của tội trộm cắp tài sản và trong trường hợp đặc biệt. Các trường hợp quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản tương ứng với các trường hợp định tội danh tội trộm cắp tài sản, chẳng hạn: gắn liền với định tội danh tội trộm cắp tài sản theo cấu thành tội phạm cơ bản là quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản theo cấu thành tội phạm cơ bản.

** Thực tiễn quyết định hình phạt theo cấu thành tội phạm cơ bản của tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước*

Bản án số: 19/2017/HSST của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước ngày 24/04/2017 có nội dung:

“Lê Minh Việt và Võ Hoàng Anh Túc quen biết nhau từ trước, khoảng 16 giờ ngày 16 tháng 11 năm 2016 Việt tới quán cà phê “Mộc” tại khu phố Bình Giang 1, phường Sơn Giang do Túc (tên thường gọi Thảo) làm chủ quán để uống cà phê. Tại

đây Túc rủ Việt đi chơi thì Việt đồng ý. Túc đưa chìa khóa xe mô tô Sirius biển số 93K1 - 148.73 của mình cho Việt để Việt chở Túc đi. Đến khoảng 18 giờ Túc nói Việt là chạy vào xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập chơi thì Việt đồng ý và chở Túc đi qua cầu Thác Mạ đến đoạn ngã tư Mặt Bằng thì Túc và Việt phát hiện 01 xe tải loại 8,5 tấn biển số 60L – 9171 chở hạt điều dừng trong các bao tải trên thùng xe; Lúc này người lái xe tải là Nguyễn Quang Trung đang vận chuyển hạt điều cho chủ hàng là Lê Thị Kim Thủy phải chạy chậm vì đường đang sửa chữa. Thấy vậy Túc nói Việt chạy xe áp sát đuôi xe tải để Túc leo lên xe tải đập điều xuống bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì Việt đồng ý và điều khiển xe mô tô chạy lên áp sát vào xe tải. Túc nhảy xuống chạy bộ theo bám vào và nhảy lên thùng xe tải sau đó sử dụng chiếc bấm móng tay mang theo rạch rách một phần bạt che của thùng xe để chui vào trong xe, còn Việt điều khiển xe mô tô chạy theo phía sau cách xe tải khoảng 20m để đợi lấy các bao hạt điều Túc đập xuống. Túc sau khi nhảy được lên thùng xe đã đập được 01 bao tải hạt điều rơi xuống đường, thấy vậy Việt điều khiển xe mô tô chạy đến dừng lại và kéo bao điều trên vào lề đường thì bị lực lượng công an thị xã Phước Long mật phục áp vào bắt quả tang. Đối với Túc khi thấy Việt bị bắt, Túc đã bỏ trốn.”

Qua phân tích bản án nêu trên, chúng ta nhận thấy, Hội đồng xét xử đã áp dụng nhiều quy định của BLHS về quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản như:

- Về căn cứ nhân thân người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận định:

“Đối với bị cáo Võ Hoàng Anh Túc là người khởi xướng và rủ bị cáo Việt thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo cũng là người thực hành tội phạm tích cực nhất trong việc trộm cắp, nên hành vi của bị cáo là nguy hiểm nhất. Mặt khác, vào ngày 20/4/2010 bị cáo từng bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã đương nhiên được xóa án tích nhưng thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu.

Đối với bị cáo Lê Minh Việt tuy không phải là người khởi xướng trong vụ án nhưng khi nghe Võ Hoàng Anh Túc rủ lấy trộm Điều bị cáo không ngăn cản mà

hưởng ứng một cách tích cực. Mặt khác vào ngày 18/7/2013 bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 2 năm 6 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 36/2013/HSST chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân làm người có ích cho gia đình và xã hội mà tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.”

- Về căn cứ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử nhận định:

“Tuy nhiên, xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, hai bị cáo đã thành khẩn khai báo, tài sản hai bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn và đã được thu hồi trả lại cho người bị hại. Sau khi phạm tội và biết hành vi của mình là sai, bị cáo Võ Hoàng Anh Túc đã tự nguyện ra đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự cần xem xét khi lượng hình.”

Trong vụ án này, quyết định hình phạt theo cấu thành tội phạm cơ bản của tội trộm cắp tài sản (theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 –thời điểm thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo) được thể hiện trong Phần quyết định của bản án:

“1. Tuyên bố các bị cáo Võ Hoàng Anh Túc (Thảo) và Lê Minh Việt phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- *Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điều 20, 33, 45, 53 điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.*

Xử phạt bị cáo Võ Hoàng Anh Túc (Thảo) 10 (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- *Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điều 20, 33, 45, 53 điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự*

Xử phạt bị cáo Lê Minh Việt 10 (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/11/2016.”

* *Thực tiễn quyết định hình phạt theo các cấu thành tội phạm tăng nặng của tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước*

Như đã nêu ở phần nghiên cứu về thực tiễn định tội danh tội trộm cắp tài sản theo cấu thành tội phạm tăng nặng trên địa bàn tỉnh Bình Phước, tại Bản án số: 25/2017/HSST của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước ngày 15/6/2017 về vụ Trần Công Bằng phạm tội trộm cắp tài sản, tương ứng với định tội danh tội trộm cắp tài sản theo cấu thành tội phạm tăng nặng đối với hành vi của bị cáo Bằng thì tòa án cũng quyết định hình phạt đối với bị cáo Bằng theo cấu thành tội phạm tăng nặng của tội trộm cắp tài sản. Cụ thể, Tòa án nhân dân thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước đã quyết định:

“1. Tuyên bố bị cáo Trần Công Bằng phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm p, b khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 45, Điều 33, Điều 47 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Công Bằng 05 (Năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/11/2016.”

** Thực tiễn quyết định hình phạt trong trường hợp đặc biệt đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước*

- Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với tội trộm cắp tài sản.

Ví dụ tại Bản án số: 25/2017/HSST của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước ngày 15/6/2017 về vụ Trần Công Bằng phạm tội trộm cắp tài sản nêu trên, tòa án đã áp dụng Điều 47 BLHS năm 1999 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng của tội trộm cắp tài sản đối với bị cáo Bằng.

- Quyết định phạt trong trường hợp phạm tội chưa đạt đối với tội trộm cắp tài sản

Chẳng hạn, tại Bản án số: 11/2016/HSST của TAND thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước ngày 29/3/2016 có nội dung đã nêu ở Mục 2.2.2.3 của Luận văn, TAND thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước đã quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội chưa đạt đối với tội trộm cắp tài sản căn cứ vào các quy định liên quan đến phạm tội chưa đạt tại Điều 18, 52 BLHS năm 1999.

“1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trường Giang phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, các điều 18, 45, 33, các khoản 1 và khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường Giang 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/11/2015.”

- Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm đối với tội trộm cắp tài sản

Chẳng hạn, tại Bản án số: 19/2017/HSST của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước ngày 24/04/2017 như đã nêu ở phần trên, tòa án đã quyết định:

“1. Tuyên bố các bị cáo Võ Hoàng Anh Túc (Thảo) và Lê Minh Việt phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điều 20, 33, 45, 53 điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Hoàng Anh Túc (Thảo) 10 (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điều 20, 33, 45, 53 điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự Xử phạt bị cáo Lê Minh Việt 10 (Mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/11/2016.”

Trong vụ án này, việc quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm đối với tội trộm cắp tài sản được thể hiện trong nhận định của bản án: “Đây là vụ án do hai bị cáo cùng thực hiện tội phạm, không có bàn bạc hay chuẩn bị công cụ trước, việc rủ nhau lấy trộm tài sản là mang tính nhất thời, bộc phát, nên đây chỉ là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, nhưng cần phân tích vai trò của từng bị cáo trong vụ án để xử mức án phù hợp.” và căn cứ áp dụng để quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm là Điều 53 BLHS năm 1999.

- Quyết định hình phạt trong trường hợp nhiều tội phạm đối với tội trộm cắp tài sản

Chẳng hạn, tại Bản án số: 67/2015/HSST Tòa án nhân dân thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước ngày 21/07/2015 có nội dung đã nêu ở Mục 2.2.2.3 của Luận văn, TAND thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước đã quyết định hình phạt trong trường hợp nhiều tội phạm đối với tội trộm cắp tài sản, cụ thể trong trường hợp này

các bị cáo trong vụ án đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

“1. Tuyên bố các bị cáo Đỗ Trọng Tuấn, Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Văn Hùng và Nguyễn Quốc Cường phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điều 20, 33, 45, 53 điểm b, p khoản 1, Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Đỗ Trọng Tuấn 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/3/2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điều 20, 33, 45, 53 điểm b, p khoản 1, Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Hùng 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/3/2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điều 20, 33, 45, 53 điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 47 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn Anh 04 (bốn) tháng 02 (hai) ngày tù, thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điều 20, 31, 45, 53, 69, 74 điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc Cường 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ là 06 (Sáu) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại buộc bị cáo phải chấp hành là 08 (tám) tháng 12 (Mười hai) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND xã Bình Sơn, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nhận được hồ sơ thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Quốc Cường về Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước quản lý giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.”

** Hạn chế, thiếu sót trong thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước*

Bên cạnh những bản án áp dụng đúng các quy định về quyết định hình phạt, trên thực tế tại tỉnh Bình Phước cũng có một số bản án còn có thiếu sót trong việc quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản.

Chẳng hạn: Bản án số: 25/2017/HSST của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước ngày 15/6/2017 về vụ án “*Trần Công Bằng phạm tội Trộm cắp tài sản*” có nội dung như đã nêu ở Mục 2.3. Trong vụ án này, tòa án quyết định:

“1. Tuyên bố bị cáo Trần Công Bằng phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm p, b khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 45, Điều 33, Điều 47 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Công Bằng 05 (Năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/11/2016.”

Xem xét về quyết định hình phạt về tội trộm cắp tài sản đối với bị cáo, chúng ta nhận thấy, tòa án đã áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm p, b khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999. Tuy nhiên, theo chúng tôi, trong vụ án này tòa án áp dụng thiếu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999, bởi lẽ bị cáo Bằng đã thực hiện hành vi hành vi trộm cắp hai lần, mỗi lần đều là hành vi độc lập tách rời nhau và đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

2.4. Đánh giá chung về thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Phân tích thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong những năm vừa qua cho chúng ta rút ra một số kết luận sau:

* Về ưu điểm:

- Thực tiễn định tội danh, định khung hình phạt và quyết định hình phạt qua các bản án điển hình mà Chương 2 đã nêu cho thấy đa số các bản án đều áp dụng đúng quy định của BLHS về định tội, định khung và quyết định hình phạt. Các sai sót, hạn chế chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng số các bản án.

- Tội trộm cắp tài sản là tội phạm có tính phổ biến nên những người tiến hành tố tụng do áp dụng thường xuyên nên đều nắm vững các dấu hiệu pháp lý của tội này nên đa số áp dụng đúng quy định.

- Các cơ quan tố tụng, những người tiến hành tố tụng thường xuyên được tập huấn các quy định của BLHS nên việc áp dụng các quy định về tội trộm cắp ít xảy ra sai sót.

* Hạn chế:

- Thực tế áp dụng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong thời gian gần đây cho thấy không có những vụ án gây oan, sai (định tội sai) mà chỉ có các sai sót liên quan đến các dấu hiệu định khung, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, cho hưởng án treo.

- Một số người tiến hành tố tụng chưa chú ý hết các quy định mới của BLHS năm 2015 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, dẫn đến nhầm lẫn trong quá trình áp dụng.

* Nguyên nhân của các vướng mắc, hạn chế trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản:

- Nguyên nhân chủ yếu của các vướng mắc, sai sót trên thực tiễn chủ yếu là do người tiến hành tố tụng chưa nắm vững các quy định mới của BLHS năm 2015, bởi lẽ để áp dụng đúng quy định về tội trộm cắp tài sản không chỉ nắm vững các quy định tại Điều 173 BLHS mà còn phải nắm vững các quy định khác ở Phần thứ nhất (Những quy định chung) và các tội danh có quy định loại trừ Điều 173, hoặc giống nhau về hành vi lên lút chiếm đoạt tài sản (như tham ô, chiếm đoạt vật liệu nổ...)

- Các văn bản hướng dẫn về các tội xâm phạm sở hữu nói chung và tội trộm cắp tài sản theo quy định của BLHS năm 2015 chưa có, dẫn đến cách hiểu về các dấu hiệu của các tội phạm không thống nhất giữa những người tiến hành tố tụng.

- Một số người tiến hành tố tụng cứ theo kinh nghiệm trong hoạt động tố tụng mà chưa chịu nghiên cứu kỹ các quy định mới của BLHS năm 2015.

Tiểu kết chương 2

Kết quả nghiên cứu tại Chương 2 của luận văn được thể hiện qua một số nội dung sau:

1. Đã phân tích khái quát tình hình xét xử tội trộm cắp tài sản trên địa bàn

tỉnh Bình Phước trong những năm gần đây, từ đó chỉ ra: (1) Hoàn thiện các quy định và nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về tội trộm cắp tài sản có ý nghĩa thực tiễn quan trọng, là khâu trọng điểm trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng, qua đó giảm tỷ lệ tội phạm nói chung trên địa bàn tỉnh Bình Phước; (2) Các biện pháp phòng, chống tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong những năm vừa qua chưa hiệu quả, đòi hỏi phải có sự thay đổi về quy định của pháp luật và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của BLHS về tội trộm cắp tài sản.

2. Luận văn đã nghiên cứu vấn đề định tội danh tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước với các nội dung: (1) Khái quát lý luận định tội danh tội trộm cắp tài sản; (2) Thực tiễn định tội danh tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

3. Chương 2 của Luận văn cũng nghiên cứu: (1) Định tội danh theo cấu thành tội phạm tăng nặng của tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong những năm gần đây; (2) Quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

4. Chương 2 của Luận văn cũng đã đánh giá chung về thực tiễn áp dụng pháp hình sự về tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước, làm nền tảng cho các giải pháp áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản ở Chương 3.

Chương 3

CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI TRỘM CẮP TÀI SẢN

3.1. Các yêu cầu áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản

Áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản là đòi hỏi có tính nguyên tắc xuất phát từ:

Thứ nhất, yêu cầu bảo đảm thực hiện đầy đủ quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người và quyền cơ bản của công dân

Quyền được sống, quyền được mưu cầu hạnh phúc, tự do, bình đẳng... là những quyền cơ bản của con người. Quyền con người là thành quả phát triển của lịch sử lâu dài sự nghiệp đấu tranh giải phóng, cải tạo xã hội và cải tạo thiên nhiên của cả nhân loại. Bảo vệ quyền con người ở nước ta gắn liền với bản chất nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của dân, do dân và vì dân và được thực hiện thông qua nhiều biện pháp trong đó biện pháp pháp luật có vai trò quan trọng.

Bảo vệ quyền con người và quyền cơ bản của công dân là sự định hướng lớn của Đảng và Nhà nước ta trong quá trình cải cách tư pháp. Hiến pháp năm 2013 là căn cứ pháp lý cao nhất để bảo vệ quyền con người. Pháp luật hình sự cụ thể hóa việc bảo vệ quyền con người và quyền cơ bản của công dân đã được Hiến pháp quy định.

Điều 1 BLHS năm 2015 quy định: “Bộ luật hình sự có nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, *quyền con người, quyền công dân*, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật, chống mọi hành vi phạm tội; giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.” Quy định tại Điều 1 BLHS này đã khẳng định bảo vệ quyền con người, quyền công dân là một trong những nhiệm vụ quan trọng của luật hình sự.

Như vậy, thông qua việc quy định và áp dụng đúng quy định của pháp luật hình sự chúng ta đã góp phần đưa yêu cầu đảm bảo quyền con người và quyền cơ bản của công dân mà Hiến pháp năm 2013 đã quy định vào trong cuộc sống.

sống

Thứ hai, yêu cầu đưa các quy định của Bộ luật hình sự 2015 đi vào cuộc

BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực từ ngày 1/1/2018,

đây là kết quả được đúc kết từ thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm của nhà nước ta từ khi BLHS năm 1999 đến khi ban hành BLHS năm 2015. Nhiều quy định mới của BLHS năm 2015 thể hiện tinh thần nhân đạo sâu sắc như tuổi chịu trách nhiệm hình sự, tha tù trước thời hạn có điều kiện, các biện pháp áp dụng kèm theo miễn TNHS đối với người dưới 18 tuổi ...chỉ có thể đi vào cuộc sống nếu chúng được áp dụng trên thực tiễn.

Thứ ba, yêu cầu cụ thể hóa được chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước trong đấu tranh phòng, chống đối với tội trộm cắp tài sản

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta ngày càng quan tâm đến xử lý tội phạm nói chung, tội trộm cắp tài sản nói riêng cho nên đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách nhằm đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tội phạm này. Các chủ trương, chính sách này được thể hiện qua hàng loạt các Nghị quyết, các văn bản pháp luật, trong đó có BLHS với quy định về tội trộm cắp tài sản. Chính vì thế, để thể chế hóa hơn nữa các chủ trương, chính sách này của Đảng và Nhà nước đi vào thực tế sâu rộng hơn, hiệu quả hơn, đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân trong việc phòng, chống tội trộm cắp tài sản thì việc hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản là yêu cầu cấp bách trong bối cảnh hiện nay.

Thứ tư, yêu cầu đảm bảo phù hợp với các điều kiện kinh tế, xã hội ở nước ta

Xã hội ở mỗi giai đoạn khác nhau thì sẽ có những điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau, và pháp luật ở mỗi giai đoạn cũng sẽ khác nhau. Nước ta đang trong giai đoạn đổi mới toàn diện, đời sống nhân dân được nâng cao, chất lượng cuộc sống được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi đó, nước ta đứng trước nhiều thách thức lớn, trong đó có thách thức từ tình hình tội phạm môi trường nói chung, tội trộm cắp tài sản nói riêng đang diễn biến phức tạp với mức độ và tính chất nguy hiểm của hành vi là rất cao, hậu quả thiệt hại xảy ra rất nghiêm trọng... Chính vì vậy, khi hoàn thiện các quy định về tội trộm cắp tài sản phải quy định

được những vấn đề mới vào trong luật như chủ thể mới, quy định các tình tiết, các dấu hiệu định khung, loại và mức hình phạt phải phù hợp với điều kiện – xã hội nước ta hiện nay.

Thứ năm, yêu cầu hội nhập quốc tế

Việt Nam là thành viên chính thức của nhiều công ước quốc tế về phòng chống tội phạm cũng như kinh tế. Vì vậy, các quy định của pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật hình sự nói riêng cần phải phù hợp với các quy định bắt buộc của công ước này. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản cũng phải phù hợp với các quy định của công ước quốc tế mà nước ta đã tham gia. Bên cạnh đó, việc áp dụng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản phải đảm bảo yêu cầu hội nhập của nước ta (nhất là về kinh tế) với quốc tế.

3.2. Các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản:

3.2.1. Các giải pháp pháp luật

Từ những vướng mắc, hạn chế trong việc áp dụng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã chỉ ra tại Chương 2 của Luận văn, chúng tôi đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự về tội trộm cắp theo hướng:

Thứ nhất, hoàn thiện Điều 173 BLHS năm 2015 theo hướng mô tả rõ ràng hành vi phạm tội trộm cắp tài sản (thiết kế dưới dạng quy định mô tả).

Như đã nêu ở Chương 2 của Luận văn về vướng mắc về định tội danh tội trộm cắp tài sản trong luật hình sự. Nguyên nhân của vướng mắc này xuất phát từ thực tiễn việc hiểu và áp dụng nội hàm của tội trộm cắp tài sản là chưa thống nhất. Điều này cũng có thể do nhà làm luật cho rằng tội trộm cắp là tội không phức tạp lắm nên quy định tội danh tội trộm cắp tài sản dưới dạng quy định giản đơn. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự cho thấy cần phải hiểu thống nhất về tội trộm cắp tài sản thì mới có thể áp dụng thống nhất, mới đảm bảo yêu cầu của nguyên tắc pháp chế trong áp dụng pháp luật hình sự. Mặt khác, như đã phân tích tại Chương 1 trong BLHS Liên bang Nga, BLHS Cộng hòa Liên bang Đức đều có quy định mô tả thế nào là hành vi trộm cắp tài sản.

Việc sửa đổi, bổ sung theo hướng mô tả rõ ràng hành vi phạm tội trộm cắp tài sản hoàn toàn đáp ứng các yêu cầu là đảm bảo phân biệt giữa tội trộm cắp tài sản với các tội khác trong BLHS và với hành vi vi phạm pháp luật hành chính. Bởi vậy, khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 cần được thiết kế:

“1. Người nào *lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác* trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng”

Thứ hai, loại bỏ các dấu hiệu định tội “tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ”, “tài sản là di vật, cổ vật” trong cấu thành cơ bản của tội trộm cắp tài quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Việc nhà làm đã quy định một số trường hợp trộm cắp tài sản dưới 2 triệu đồng nhưng có thêm các dấu hiệu “tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ” hoặc “tài sản là di vật, cổ vật” thì bị coi là tội phạm trong khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là một hình thức mở rộng phạm vi tội phạm hóa của tội này. Việc tội phạm hóa này sẽ dẫn đến nhiều vướng mắc trong quá trình áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về tội trộm cắp tài sản, và về mặt lý luận không đảm bảo yêu cầu của nguyên tắc pháp chế trong áp dụng pháp luật hình sự.

Mặt khác, như đã nghiên cứu ở Chương 1 của Luận văn, trong BLHS Liên bang Nga, BLHS Cộng hòa Liên bang Đức, BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa khi quy định trong cấu thành cơ bản của tội trộm cắp tài sản, không có BLHS của nước nào có quy định dấu hiệu định tội “tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ” hoặc “tài sản là di vật, cổ vật” cả.

Trên cơ sở như vậy, chúng tôi kiến nghị loại bỏ các dấu hiệu định tội “tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ”, “tài sản là di vật, cổ vật” trong cấu thành cơ bản của tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cụ thể, khoản 1 Điều 173 sửa đổi như sau:

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào *lén lút chiếm đoạt tài sản* của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

- a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;
- b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;
- c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

Thứ ba, cần hướng dẫn để hiểu đúng về tình tiết định khung “hành hung để tẩu thoát” và chuyển hóa từ tội trộm cắp tài sản sang tội cướp tài sản.

Như đã phân tích ở Chương 2 của Luận văn, quy định tại tiểu mục 6.2 mục 6 Phần I Thông tư liên tịch số 02/2001 “*người phạm đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng đã bị người bị hại hoặc người khác giành lại, mà người phạm tội tiếp tục dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công người bị hại hoặc người khác nhằm chiếm đoạt cho được tài sản*” thì mới chuyển hóa sang tội cướp tài sản. Trên thực tế, quy định này dẫn đến hiểu nhầm rằng nếu người bị hại hoặc người khác chỉ đuổi theo chưa kịp giành lại tài sản mà người phạm tội dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công người bị hại hoặc người khác để giữ bằng được tài sản chiếm đoạt (và có thể cả để tẩu thoát) thì không cấu thành tội cướp tài sản. Điều này trái với quy định của tội cướp tài sản là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản.

Bên cạnh đó, hiện nay trong trường hợp trộm cắp tài sản mà có tình tiết “hành hung để tẩu thoát” nhưng việc hành hung đó gây thương tích đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 134 BLHS năm 2015) chưa có hướng dẫn xử lý về cả 2 tội (tội trộm cắp tài sản và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác) hay chỉ xử

lý về tội trộm cắp tài sản mà thôi với tình tiết định khung “hành hung để tẩu thoát”?. Trong trường hợp xử về cả hai tội trộm cắp tài sản và cố ý gây thương tích thì ở tội trộm cắp tài sản có áp dụng thêm tình tiết định khung “hành hung để tẩu thoát” nữa hay không?

Nguyên nhân của vướng mắc nêu trên theo chúng tôi là do Thông tư liên tịch số 02/2001 hướng dẫn chưa đầy đủ các trường hợp chuyển hóa tội phạm từ tội cướp giật tài sản, công nhiên chiếm đoạt tài sản, trộm cắp tài sản sang tội cướp tài sản, dẫn đến người tiến hành tố tụng hiểu việc chuyển hóa sang tội cướp chỉ giới hạn trong trường hợp mà Thông tư 02/2001 nêu ra mà thôi.

Để khắc phục các vướng mắc trên, chúng tôi đề nghị thay Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP bằng một Thông tư mới (cho phù hợp với Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật) trên cơ sở sửa đổi, bổ sung mục 6 Phần I Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP như sau:

Khi áp dụng tình tiết "hành hung để tẩu thoát" (điểm đ khoản 2 Điều 171; điểm b khoản 2 Điều 173; điểm đ khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015) cần chú ý:

1. Phạm tội thuộc trường hợp "hành hung để tẩu thoát" là trường hợp mà người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng bị phát hiện và bị bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ thì đã có những hành vi chống trả lại người bắt giữ hoặc người bao vây bắt giữ như đánh, chém, bắn, xô ngã... nhằm tẩu thoát.

Trong trường hợp này, tùy trường hợp cụ thể mà truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội về tội phạm xảy ra trước khi dùng vũ lực và coi việc dùng vũ lực là tình tiết định khung tăng nặng “hành hung để tẩu thoát”

Nếu việc dùng vũ lực dẫn tới hậu quả làm chết người thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự thêm về tội giết người (Điều 123 BLHS).

Nếu hậu quả của việc dùng vũ lực là gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có đủ dấu hiệu của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 134 BLHS) thì đối với trường hợp tội phạm

xảy ra trước khi dùng vũ lực là tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 172 BLHS), tội trộm cắp tài sản (Điều 173 BLHS) thì ngoài việc vẫn áp dụng tình tiết định khung “hành hung để tẩu thoát” của tội phạm tương ứng thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự thêm về cố ý gây thương tích.

Nếu hậu quả của việc dùng vũ lực là gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có đủ dấu hiệu của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 134 BLHS) thì đối với trường hợp tội phạm xảy ra trước khi dùng vũ lực là tội cướp giật tài sản (Điều 171 BLHS) thì người phạm tội chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cướp giật tài sản và tỷ lệ tổn thương cơ thể người khác là dấu hiệu định khung tăng nặng của tội này.

2. Nếu người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản mà người phạm tội dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công người bị hại nhằm chiếm đoạt cho được tài sản, thì trường hợp này có đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội cướp tài sản.

3. Nếu người phạm tội đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng đã bị người bị hại hoặc người khác đã giành lại được tài sản hoặc đang giành giật tài sản còn trong sự chiếm hữu người phạm tội, mà người phạm tội tiếp tục dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công người bị hại hoặc người khác nhằm chiếm đoạt cho được tài sản, thì trường hợp này không phải là “hành hung để tẩu thoát” mà đã có đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội cướp tài sản.

Cơ sở của hướng dẫn nêu trên xuất phát từ các lý do sau:

Thứ nhất, đối với tội cướp giật tài sản (Điều 171 BLHS năm 2015) nhà làm luật quy định xâm phạm sức khỏe người khác là dấu hiệu định khung của tội này (khách thể bổ sung) nên trong trường hợp hành hung để tẩu thoát mà gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe người khác thì vẫn thuộc trường hợp (trong nội hàm) cấu thành tăng nặng của tội này, do đó chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự về một tội mà thôi. Tuy nhiên, đối với tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 172 BLHS năm 2015), tội trộm cắp tài sản (Điều 173 BLHS năm 2015) nhà làm luật không quy định xâm phạm sức khỏe người khác là dấu hiệu định khung của các tội này nên

trong trường hợp hành hung để tẩu thoát mà gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe người khác thì do không thuộc trường hợp (trong nội hàm) cấu thành tăng nặng của các tội này nên bắt buộc phải truy cứu trách nhiệm hình sự về nhiều tội.

Thứ hai, việc vẫn áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “hành hung để tẩu thoát” ở các tội phạm nêu trên kể cả trong trường hợp truy cứu trách nhiệm hình sự thêm về tội cố ý gây thương tích (hoặc giết người) là do tính hiểm hơn khi tội các xâm phạm sở hữu kết hợp với các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe khác trong các trường hợp phạm tội cụ thể. Do đó, việc áp dụng thêm tình tiết định khung tăng nặng “hành hung để tẩu thoát” là thỏa đáng, phản ánh đúng tính nguy hiểm của trường hợp phạm tội có sự kết hợp nhiều tội cùng một lúc.

Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự cũng cho thấy nhiều trường hợp hướng dẫn tương tự. Chẳng hạn, tại Thông tư liên ngành số 01/TTLN ngày 7/1/1995 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ hướng dẫn áp dụng Điều 95, Điều 96 Bộ luật hình sự năm 1995 trong trường hợp sử dụng vũ khí quân dụng thực hiện tội phạm như sau: *“Đối với người được trang bị vũ khí quân dụng đã sử dụng trái phép vũ khí quân dụng được trang bị thực hiện tội phạm hoặc người tuy không được trang bị nhưng đã dùng vũ khí quân dụng thực hiện tội phạm thì đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hai tội: "tội sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" theo Điều 95 Bộ luật hình sự và tội phạm đã thực hiện theo điều luật tương ứng của Bộ luật hình sự. Nếu tội phạm đã thực hiện mà điều luật có quy định "sử dụng vũ khí" là tình tiết định khung hình phạt, thì phải truy cứu trách nhiệm hình sự về khoản tương ứng của điều luật.”*

Do đó, chúng tôi cho rằng hướng dẫn trên là phù hợp với đặc điểm pháp lý của các tội phạm và đã từng có thực tiễn hướng dẫn tương ứng.

Thứ tư, đề xuất bổ sung dấu hiệu định khung tăng nặng “xâm phạm chỗ ở của người khác” của tội trộm cắp tài sản tại khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015.

Như đã phân tích ở Chương 2 của Luận văn, trong trường hợp trộm cắp tài sản với thủ đoạn vào chỗ ở người khác một cách trái pháp luật mà hành vi (thủ đoạn) này lại có dấu hiệu của tội xâm phạm chỗ ở người khác (Điều 158 BLHS năm

2015), do đó có xử thêm tội xâm phạm chỗ ở của người khác hay không, bởi lẽ, quy định về tội trộm cắp tài sản (Điều 173 BLHS năm 2015) đều không quy định dấu hiệu “xâm phạm chỗ ở của người khác” làm dấu hiệu định khung tăng nặng.

Tham khảo quy định về tội trộm cắp tài sản trong BLHS Liên bang Nga, BLHS Cộng hòa Liên bang Đức cho thấy các BLHS này đều có quy định dấu hiệu “xâm phạm chỗ ở của người khác” là dấu hiệu định khung tăng nặng của tội trộm cắp tài sản.

Về mặt lý luận, việc quy định “xâm phạm chỗ ở của người khác” là dấu hiệu định khung tăng nặng của tội trộm cắp tài sản giải quyết được vấn đề có xử thêm về tội xâm phạm chỗ ở người khác nữa hay không trong trường hợp trộm cắp tài sản với thủ đoạn xâm phạm chỗ ở của người khác. Nếu quy định như vậy, chúng ta chỉ cần xử một tội là tội trộm cắp tài sản mà thôi và việc xâm phạm chỗ ở của người khác trở thành dấu hiệu định khung tăng nặng của tội này.

Trên cơ sở đó, chúng tôi kiến nghị bổ sung vào khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015 dấu hiệu định khung tăng nặng “xâm phạm chỗ ở của người khác”. Cụ thể là;

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. ...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Có tính chất chuyên nghiệp;
- c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;
- d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm; đ) Hành hung để tẩu thoát;
- e) Tài sản là bảo vật quốc gia;
- g) Tái phạm nguy hiểm.
- h) Xâm phạm chỗ ở của người khác

Tóm lại, trên cơ sở các phân tích nêu trên, Luận văn kiến nghị sửa đổi, bổ

sung quy định về tội trộm cắp tài sản tại Điều 173 BLHS năm 2015 như sau:

Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung
<i>Điều 173. Tội trộm cắp tài sản</i>	<i>Điều 173. Tội trộm cắp tài sản</i>
1. Người nào <u>trộm cắp</u> tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm; b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; d) <u>Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;</u> <u>đ) Tài sản là di vật, cổ vật.</u>	1. Người nào <i>lén lút chiếm đoạt</i> tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm; b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.
2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: a) Có tổ chức; b) Có tính chất chuyên nghiệp;	2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: a) Có tổ chức; b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm; đ) Hành hung để tẩu thoát; e) Tài sản là bảo vật quốc gia; g) Tái phạm nguy hiểm.	c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm; đ) Hành hung để tẩu thoát; e) Tài sản là bảo vật quốc gia; g) Tái phạm nguy hiểm. <i>h) Xâm phạm chỗ ở của người khác</i>
---	--

- Kiến nghị thay Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP bằng một Thông tư mới (cho phù hợp với Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật) trên cơ sở sửa đổi, bổ sung mục 6 Phần I Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP như sau:

Mục 6 Phần I Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP	Kiến nghị thay bằng Thông tư khác
Khi áp dụng tình tiết "hành hung để tẩu thoát" (điểm đ khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 2 Điều 137; điểm đ khoản 2 Điều 138 BLHS) cần chú ý: 6.1. Phạm tội thuộc trường hợp "hành hung để tẩu thoát" là trường hợp mà người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng bị phát hiện và bị bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ thì đã có những hành vi chống trả lại người bắt giữ hoặc người bao vây bắt giữ như đánh, chém, bắn, xô ngã... nhằm tẩu thoát.	Khi áp dụng tình tiết "hành hung để tẩu thoát" (điểm đ khoản 2 Điều 171; điểm b khoản 2 Điều 173; điểm đ khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015) cần chú ý: 1. Phạm tội thuộc trường hợp "hành hung để tẩu thoát" là trường hợp mà người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng bị phát hiện và bị bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ thì đã có những hành vi chống trả lại người bắt giữ hoặc người bao vây bắt giữ như đánh, chém, bắn, xô ngã... nhằm tẩu thoát. <i>Trong trường hợp này, tùy trường hợp</i>

	cụ thể mà truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội về tội phạm xảy ra trước khi dùng vũ lực và coi việc dùng vũ lực là tình tiết định khung tăng nặng “hành hung để tẩu thoát” Nếu việc dùng vũ lực dẫn tới hậu quả làm chết người thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự thêm về tội giết người (Điều 123 BLHS). Nếu hậu quả của việc dùng vũ lực là gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có đủ dấu hiệu của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 134 BLHS) thì đối với trường hợp tội phạm xảy ra trước khi dùng vũ lực là tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 172 BLHS), tội trộm cắp tài sản (Điều 173 BLHS) thì ngoài việc vẫn áp dụng tình tiết định khung “hành hung để tẩu thoát” của tội phạm tương ứng thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự thêm về cố ý gây thương tích. Nếu hậu quả của việc dùng vũ lực là gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có đủ dấu hiệu của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 134 BLHS) thì đối với
--	---

	<i>trường hợp tội phạm xảy ra trước khi dùng vũ lực là tội cướp giật tài sản (Điều 171 BLHS) thì người phạm tội chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cướp giật tài sản và tỷ lệ tổn thương cơ thể người khác là dấu hiệu định khung tăng nặng của tội này.</i>
6.2. Nếu người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng đã bị người bị hại hoặc người khác giành lại, mà người phạm tội tiếp tục dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công người bị hại hoặc người khác nhằm chiếm đoạt cho được tài sản, thì trường hợp này không phải là "hành hung để tẩu thoát" mà đã có đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội cướp tài sản.	2. <i>Nếu người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản mà người phạm tội dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công người bị hại nhằm chiếm đoạt cho được tài sản, thì trường hợp này có đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội cướp tài sản.</i> 3. <i>Nếu người phạm tội đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng đã bị người bị hại hoặc người khác đã giành lại được tài sản hoặc đang giành giật tài sản còn trong sự chiếm hữu người phạm tội, mà người phạm tội tiếp tục dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công người bị hại hoặc người khác nhằm chiếm đoạt cho được tài sản, thì trường hợp này không phải là "hành hung để tẩu thoát" mà đã có đầy đủ các</i> <i>dấu hiệu cấu thành tội cướp tài sản.</i>

3.2.2. Các giải pháp khác bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản

- Tăng cường tập huấn pháp luật hình sự

Thường xuyên tổ chức các chương trình tập huấn, các khóa đào tạo nhằm nâng trình độ chuyên môn của những người THPT. Đây là hoạt động quan trọng nhất trong việc trau dồi và nâng cao năng lực của những người THPT. Trình độ chuyên môn của người THPT là yếu tố quan trọng nhất đồng thời là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả của công tác xử lý tội phạm, giải quyết các vụ án hình sự trong thực tiễn. Kể cả với một hệ thống quy phạm pháp luật tiên tiến, nếu trình độ chuyên môn của những người THPT kém cỏi sẽ không thể giải quyết đúng được các vụ án hình sự. Điều này dẫn tới không đạt được hiệu quả trong việc xử lý tội phạm cũng như hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Việc xây dựng và triển khai các dự án, chương trình tập huấn, đào tạo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cần phải được thực hiện thường xuyên ở tất cả các ngành trong lĩnh vực tư pháp, đặc biệt là các ngành Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Công an nhân dân

- Tăng cường tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật.

Để các cơ quan tiến hành tố tụng các cấp làm tốt chức năng, nhiệm vụ xét xử đối với những vụ án có bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản cần tổng kết, tổ chức hội nghị chuyên đề hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong công tác xét xử các vụ án có bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản, chú ý những căn cứ cụ thể để quyết định hình phạt, nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, bảo đảm việc xét xử các vụ án có người phạm tội trộm cắp tài sản được nghiêm chỉnh, đúng pháp luật.

- Tăng cường khả năng, năng lực của cán bộ xét xử

Chất lượng xử lý tội phạm hình sự nói chung và xử lý tội phạm tội trộm cắp tài sản nói riêng của các cơ quan pháp luật phụ thuộc rất lớn vào năng lực của các cán bộ pháp luật, mà ở đây chủ yếu là những người tiến hành tố tụng. Đặc biệt là khả năng năng lực của cán bộ xét xử. Ngay kể cả với những quy phạm pháp luật hình sự thể hiện trình độ pháp lý cao, nhưng nếu các chủ thể áp dụng pháp luật hình sự là những người thiếu năng lực hoặc yếu kém trong việc vận dụng các quy phạm này vào giải quyết vụ án hình sự trong thực tiễn, thì việc các vụ án hình sự được giải quyết chậm chạp, thiếu chính xác hoặc thậm chí là oan sai là hoàn toàn có thể

xảy ra. Trình độ, năng lực của những chủ thể áp dụng pháp luật càng yếu kém thì khả năng chậm chạp hoặc sai lầm trong giải quyết vụ án hình sự càng cao. Vì vậy để đảm bảo cho công tác giải quyết các vụ án tội phạm tội trộm cắp tài sản luôn đạt chất lượng cao, xử lý nhanh chóng, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật thì đội ngũ những người tiến hành tố tụng luôn phải có được năng lực cao. Việc không ngừng nâng cao năng lực của những người tiến hành tố tụng luôn là đòi hỏi mang tính liên tục.

Kết luận chương 3

Tại Chương 2 của Luận văn, tác giả đã đi vào nghiên cứu, phân tích các nội dung cơ bản như:

1. Các yêu cầu bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản gồm: yêu cầu đảm bảo thực hiện đầy đủ quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người và quyền cơ bản của công dân; yêu cầu đưa các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 vào cuộc sống; yêu cầu cụ thể hóa được chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong đấu tranh phòng, chống tội trộm cắp tài sản; yêu cầu đảm bảo phù hợp với các điều kiện kinh tế, xã hội ở nước ta; yêu cầu hội nhập quốc tế.

2. Chương 3 của Luận văn cũng đã đưa ra các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản gồm các giải pháp pháp luật như: (1) Điều 173 BLHS cần được thiết kế theo hướng mô tả rõ ràng tội trộm cắp tài sản (thiết kế dưới dạng quy định mô tả); (2) Loại bỏ các dấu hiệu định tội “tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ”, “tài sản là di vật, cổ vật” trong cấu thành cơ bản của tội trộm cắp tài quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); (3) Cần hướng dẫn để hiểu đúng về tình tiết định khung “hành hung để tẩu thoát” và chuyển hóa từ tội trộm cắp tài sản sang tội cướp tài sản; (4) Bổ sung dấu hiệu định khung tăng nặng “xâm phạm chỗ ở của người khác” của tội trộm cắp tài sản tại khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015.

3. Bên cạnh đó Chương 3 của Luận văn cũng đưa ra các giải pháp khác nhằm bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản như: (1) Giải pháp

tập huấn pháp luật hình sự; (2) Tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật; (3) Tăng cường khả năng, năng lực của cán bộ xét xử ...

KẾT LUẬN

1. Tội trộm cắp tài sản đã trải qua một thời gian dài trong lịch sử và ngày càng phát triển đến ngày nay. Sự phân biệt giữa tội phạm trộm cắp tài sản với các tội xâm phạm sở hữu khác ngày càng thể hiện rõ nét trong các quy định của luật hình sự và thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm. Trải qua từng thời kỳ pháp luật có quy định riêng, nhưng cho đến nay có quy phạm pháp luật chung về tội trộm cắp tài sản trong BLHS năm 2015 (có hiệu lực từ ngày 1/1/2018) đó là một sự thể hiện thái độ của Nhà nước trong đấu tranh phòng chống tội trộm cắp tài sản.

2. Trong các văn bản pháp luật hình sự của Nhà nước ta không có quy phạm định nghĩa về khái niệm tội trộm cắp tài sản, các quy định chỉ nêu tội danh với những khung hình phạt khác nhau. Để áp dụng pháp luật hình sự đúng đối với tội trộm cắp tài sản, cần phân hóa TNHS trong luật, tạo điều kiện đánh giá chính xác tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội trộm cắp tài sản.

3. Tội trộm cắp tài sản là hành vi nguy hiểm cho xã hội, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, do người có năng lực TNHS và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý, xâm phạm các quyền sở hữu được Nhà nước bảo vệ bằng pháp luật.

4. Luận văn đã đưa ra các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng pháp luật hình sự về tội trộm cắp tài sản gồm: các giải pháp pháp luật và các giải pháp khác. Tác giả hy vọng, các kiến nghị của Luận văn sẽ góp phần vào việc hoàn thiện pháp luật hình

sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản và thời gian qua đó nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm này.

Do kiến thức tác giả có thể chưa được đầy đủ, do vậy Luận văn khó tránh khỏi khiếm khuyết nhất định. Tác giả luận văn mong nhận được đóng góp, chỉ dẫn cụ thể của các thầy, cô giáo, các nhà khoa học, đồng nghiệp và những ai quan tâm đến đề tài để giúp cho Luận văn được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Anh (2003) *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999*, Tập 2, Phần các tội phạm – Quyển 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Ngọc Anh (2009) “Hoàn thiện quy định của Bộ luật Hình sự về các tội xâm phạm sở hữu”, Tạp chí *Công an nhân dân*, số 4, tr.22-26.
3. Nguyễn Ngọc Anh (2002) “Một số vấn đề cần chú ý khi áp Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT ngày 25/12/2001, hướng dẫn xử lý các tội xâm phạm sở hữu”, Tạp chí *Công an nhân dân*, số 2, tr.16-18
4. Phạm Văn Beo (2010) *Luật hình sự Việt Nam (Quyển 2 – Phần các tội phạm)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Trần Văn Biên, Đinh Thế Hưng (2017) *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Nxb Thế giới, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Thái Chí Bình (2012) “*Tội trộm cắp tài sản – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*”. Tạp chí *Tòa án nhân dân*, số 7, tr.15
7. Lê Cẩm (2005) *Những vấn đề cơ bản về khoa học hình sự (Phần chung)*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
8. Nguyễn Ngọc Chí (2000) *Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
9. Chính phủ (1946) *Sắc lệnh số 47-SL ngày 10/10/1946 của chủ tịch Hồ Chí Minh tạm thời giữ lại các luật lệ ở Miền Bắc, Trung, Nam bộ cho đến khi ban hành các văn bản pháp luật thống nhất trong toàn quốc.*
10. Chủ tịch nước (1958) *Sắc lệnh số 267 ngày 15/6/1958 trừng trị những âm mưu và hành động phá hoại tài sản nhà nước, của hợp tác xã và của nhân dân, làm cản trở việc thực hiện chính sách kế hoạch của nhà nước về xây dựng kinh tế và văn hóa.*
11. Lê Văn Đệ (2004) *Định tội danh và quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
12. Nguyễn Ngọc Điệp (2017) *Bình luận khoa học phần các tội phạm – Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Nxb Thế giới, Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Đinh Thị Bích Hà (dịch và giới thiệu) (2007) *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
14. Trần Mạnh Hà (2006) “Phân biệt một số dấu hiệu đặc trưng của tội Trộm cắp tài sản khi định tội danh”, Tạp chí *Tòa án nhân dân*, số 5, tr.7-10
15. Nguyễn Ngọc Hòa – Lê Thị Sơn (2006) *Từ điển pháp luật hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
16. Học viện Tư Pháp (2011) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
17. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2006) *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*.
18. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2003) *Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*.
19. Hoàng Văn Hùng (2007) *Tội trộm cắp tài sản và đấu tranh phòng, chống tội này ở Việt Nam*, Luận án tiến sỹ luật học, Đại học Luật Hà Nội
20. Trần Thị Bích Liên (2016) *Tội trộm cắp tài sản do người nước ngoài thực hiện từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sỹ, Học viện Khoa học xã hội.
21. Lê Văn Luật (2002) “Bàn về định tội danh đối với một số tội xâm phạm sở hữu”, Tạp chí *Tòa án nhân dân*, số 4.
22. Đinh Văn Quế (1998) *Bình luận án*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh,
23. Quốc hội (1999) *Bộ luật Hình sự năm 1999*, Hà Nội.
24. Quốc hội (2005) *Bộ luật Hình sự năm 2005*, Hà Nội.
25. Quốc hội (2015) *Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Hà Nội.
26. Quốc hội (2003) *Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003*, Hà Nội.
27. Quốc hội (2015) *Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015*, Hà Nội.
28. Quốc hội (2013) *Hiến pháp năm 2013*, Hà Nội.
29. Quốc hội (2012) *Luật xử lý vi phạm hành chính*, Hà Nội.

30. Lê Thị Sơn (2004) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, tập 1, Nxb Công an nhân dân.
31. Nguyễn Thị Mộng Thúy (2013) *Tội trộm cắp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Long An*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Khoa học xã hội.
32. Tòa án nhân dân thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước (2018) *Bản án số: 09/2018/HS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2018*.
33. Tòa án nhân dân thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước (2016) *Bản án số: 11/2016/HSST ngày 29/3/2016*.
34. Tòa án nhân dân thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước (2017) *Bản án số: 19/2017/HSST ngày 24/04/2017*.
35. Tòa án nhân dân thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước (2017) *Bản án số: 25/2017/HSST ngày 15/6/2017*.
36. Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản tỉnh Bình Phước (2016) *Bản án số: 45/2016/HSST ngày 30/08/2016*.
37. Tòa án nhân dân thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước (2016) *Bản án số: 48/2016/HSST ngày 24/11/2016*.
38. Tòa án nhân dân thị xã Phước Long tỉnh Bình Phước (2015) *Bản án số: 67/2015/HSST ngày 21/07/2015*.
39. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (2013) *Báo cáo tổng kết năm 2013*, Bình Phước.
40. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (2014) *Báo cáo tổng kết năm 2014*, Bình Phước.
41. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (2015) *Báo cáo tổng kết năm 2015*, Bình Phước.
42. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (2016) *Báo cáo tổng kết năm 2016*, Bình Phước.
43. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (2017) *Báo cáo tổng kết năm 2017*, Bình Phước.
44. Tòa án nhân dân tối cao (1975) *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, tập 1, TANDTC XB, Hà Nội.

45. Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Công an – Bộ Tư pháp (2001) *Thông tư số 02/2001 ngày 25/12/2001 (2001) của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Công an – Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XIV “Các tội phạm xâm phạm sở hữu” của Bộ luật hình sự năm 1999*. Hà Nội.

46. Trường Đại học Cảnh sát nhân dân (1995) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần chung*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

47. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011) *Bộ luật hình sự Cộng hòa Liên bang Đức*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

48. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011) *Bộ luật hình sự Liên Bang Nga*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

49. Trường Đại học Luật Hà Nội (2001) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

50. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, tập I, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

51. Trường Đại học Luật Hà Nội (2005) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, tập II, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

52. Trường Đại học Luật Tp.Hồ Chí Minh (2012) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần chung*, Nxb Hồng Đức, Hội Luật gia Việt Nam.

53. Trường Đại học Quốc gia Hà Nội (2005) *Giáo trình luật hình sự Việt Nam – Phần chung*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

54. Nguyễn Văn Trượng (2009) “Trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi xâm phạm sở hữu có giá trị tài sản bị xâm phạm dưới mức tối thiểu”, Tạp chí *Tòa án nhân dân*, số 8.

55. Đào Trí Úc (1994) *Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

56. Đào Trí Úc (2000) *Tội phạm học Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

57. Ủy ban thường vụ Quốc Hội (1970) *Pháp lệnh số 149/LCT ngày 21/10/1970 trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa*.

58. Ủy ban thường vụ Quốc Hội (2000) *Tổng hợp văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội*, tập 1, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
59. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý - Bộ tư pháp (1999) *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự (Phần chung)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
60. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp (1995) *Hình phạt trong luật Hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
61. Viện ngôn ngữ học (2000) *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
62. Trịnh Tiến Việt (2013) *Pháp luật hình sự và thực tiễn áp dụng*, Nxb Giao thông vận tải Hà Nội, Hà Nội.
63. Võ Khánh Vinh (Chủ biên) (2012) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần Các tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
64. Võ Khánh Vinh (2014) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần các tội phạm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
65. Võ Khánh Vinh (2014) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần chung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
66. Võ Khánh Vinh (2013) *Lý luận chung về định tội danh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
67. Võ Khánh Vinh (1990) “Nguyên tắc cá thể hóa việc quyết định hình phạt”, Tạp chí *Tòa án nhân dân*, số 08.
68. Nguyễn Như Ý, Đỗ Xuân Việt, Phan Châu Thành (2006) *Từ điển Tiếng Việt cơ bản*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.